

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500773109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/12/2006, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 26/09/2023)

Bản công bố thông tin này sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN

Trụ sở chính: Đường số 6, Khu công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 3577450 Fax: (0254) 3577451

Website: <https://blackcatjsc.com.vn>

Vốn điều lệ đã góp: 68.000.000.000 đồng (Sáu mươi tám tỷ đồng)

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Hồ Minh Kha

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điện thoại: (0254) 3577 450 Fax: (0254) 3577 451

MỤC LỤC

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VIẾT TẮT.....	6
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	7
1.1. Giới thiệu về Công ty.....	7
1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	7
1.3. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	8
1.4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	8
1.5. Tóm tắt quá trình góp vốn, thay đổi vốn điều lệ từ thời điểm thành lập của Công ty.....	10
1.6. Cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng.....	19
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	20
4. Cơ cấu cổ đông.....	25
4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	25
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.....	26
4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	26
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch.....	26
5.1. Công ty mẹ.....	26
5.2. Công ty con, công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối....	26
6. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.....	27
6.1. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	27
6.2. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp.....	33
6.3. Chi phí sản xuất kinh doanh.....	36
6.4. Trình độ công nghệ.....	37
6.5. Hoạt động Marketing, nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	37
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất.....	38
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty.....	38
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.....	40

8.	Vị thế của Công ty trong cùng ngành.....	41
8.1	<i>Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....</i>	<i>41</i>
8.2	<i>Triển vọng phát triển của ngành.....</i>	<i>42</i>
9.	Chính sách đối với người lao động của Công ty	43
9.1	<i>Thu nhập bình quân người lao động trong Công ty.....</i>	<i>43</i>
9.2	<i>Số lượng người lao động trong Công ty</i>	<i>43</i>
9.3	<i>Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....</i>	<i>43</i>
10.	Chính sách cổ tức	44
11.	Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất	45
11.1	<i>Các chỉ tiêu cơ bản</i>	<i>45</i>
11.2	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....</i>	<i>53</i>
12.	Tài sản	54
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	57
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)	58
14.1	<i>Thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn.....</i>	<i>58</i>
14.2	<i>Thông tin về các cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay</i>	<i>58</i>
15.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	58
16.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	59
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	60
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị	60
1.1	<i>Danh sách Hội đồng quản trị.....</i>	<i>60</i>
1.2	<i>Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị</i>	<i>60</i>
2.	Ban kiểm soát	63
2.1	<i>Danh sách Ban kiểm soát.....</i>	<i>63</i>
2.2	<i>Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát.....</i>	<i>63</i>
3.	Giám đốc và người quản lý khác.....	65
3.1	<i>Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.....</i>	<i>65</i>
3.2	<i>Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.....</i>	<i>66</i>
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty.....	69
5.	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	69
6.	Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.....	74
IV.	PHỤ LỤC.....	76

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Giải thưởng SME100 Châu Á.....	10
Hình 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty	19
Hình 3: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty	20
Hình 4: Một số dự án thi công cách nhiệt của Công ty	31
Hình 5: Hình ảnh dịch vụ thi công dân giáo công nghiệp của Công ty.....	31
Hình 6: Cơ cấu nền kinh tế Việt Nam giai đoạn từ 2015 - 2023.....	42
Hình 7: Tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế vào tốc độ tăng trưởng của toàn nền kinh tế giai đoạn từ 2015 - 2023.....	42

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	7
Bảng 2: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty	11
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/10/2024.....	25
Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 30/10/2024 ...	26
Bảng 5: Một số dự án đã thực hiện của Công ty	28
Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp của Công ty	32
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ.....	33
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty hợp nhất.....	34
Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ.....	35
Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty hợp nhất.....	35
Bảng 11: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ.....	36
Bảng 12: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty hợp nhất.....	36
Bảng 13: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	38
Bảng 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất.....	39
Bảng 15: Lương, thu nhập bình quân của người lao động	43
Bảng 16: Cơ cấu lao động của Công ty	43
Bảng 17: Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty trong 03 năm gần nhất.....	44
Bảng 18: Vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty	45
Bảng 19: Vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất.....	46
Bảng 20: Các khoản phải nộp của Công ty mẹ	47
Bảng 21: Các khoản phải nộp của Công ty hợp nhất	48
Bảng 22: Dư nợ vay của Công ty mẹ	48
Bảng 23: Dư nợ vay của Công ty hợp nhất	49

Bảng 24: Các khoản phải thu của Công ty	50
Bảng 25: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty	51
Bảng 26: Các khoản phải trả của Công ty	51
Bảng 27: Các khoản phải trả hợp nhất	52
Bảng 28: Hàng tồn kho của Công ty	52
Bảng 29: Hàng tồn kho của Công ty hợp nhất	53
Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	53
Bảng 31: Tài sản cố định của Công ty tại 31/03/2024	55
Bảng 32: Danh sách tài sản lớn của Công ty tại 31/03/2024.....	55
Bảng 33: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức niên độ 2024 – 2025.....	57
Bảng 34: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen	70

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:


Công ty/Công ty Mèo Đen/Mèo Đen/Tổ chức đăng ký giao dịch	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty cổ phần
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
HĐQT	Hội đồng Quản trị
TSCĐ	Tài sản cố định
VĐL	Vốn điều lệ

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN**
- Tên tiếng Anh : **BLACK CAT INSULATION TECHNICAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **BLACK CAT**
- Đại diện theo pháp luật : Ông Hồ Minh Kha – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Xuân Mẫn – Giám đốc
- Logo :
- 
- Trụ sở chính : Đường số 6, Khu công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (0254) 3577450
- Fax : (0254) 3577451
- Vốn điều lệ đăng ký : 68.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp : 68.000.000.000 đồng
- Giấy CNĐKDN : Số 3500773109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/12/2006, cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 26/09/2023
- Website : <https://blackcatjsc.com.vn>

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Ngành nghề, kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho lò hơi, thiết bị trao đổi nhiệt)	2511
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329 (Chính)

STT	Ngành nghề, kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Lắp đặt hệ thống hút bụi, hệ thống cách nhiệt; Thi công, lắp đặt cách âm, sơn, chống cháy thụ động	
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Dụng cụ giàn giáo, chống ẩm các toà nhà	4390
4	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (doanh nghiệp không được sản xuất trong khu dân cư, chỉ được hoạt động đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	2592
5	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê giàn giáo công nghiệp	7730

(Nguồn: Giấy CNDKDN của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen)

1.3. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Mã chứng khoán: BMK

Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 6.800.000 cổ phiếu

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có): 0 cổ phiếu.

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

+ Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Công ty đã thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và đã nhận được văn bản số 7984/UBCK-PTTT ngày 26/11/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty ở mức 50%.

+ Tại thời điểm ngày 30/10/2024 (thời điểm chốt danh sách để đăng ký chứng khoán với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam), tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 4,80%.

1.4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Tiền thân của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen là Công ty TNHH Ốc Biển, thành lập vào ngày 12/12/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 200.000.000 đồng; trụ sở chính tại số 66/9 Hạ Long, phường 2, TP. Vũng Tàu; ngành nghề kinh doanh chính là mua bán, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ làm từ vỏ sò, ốc biển. Từ năm 2010, Công ty TNHH Ốc Biển mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh về xây dựng, lắp đặt hệ thống hút bụi, cách nhiệt.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen được chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH Ốc Biển và được cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp và loại hình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3500773109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 12/12/2011 với số vốn điều lệ tại thời điểm chuyển đổi là 3 tỷ đồng. Công ty Mèo Đen được thành lập để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ công nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi sản xuất phục vụ các dự án công nghiệp tại Việt Nam. Với mục tiêu mang đến chất lượng và an toàn trong từng dịch vụ, và hạnh phúc cho khách hàng và người lao động, Công ty Mèo Đen đã phát triển và đang tạo sự uy tín của mình trên thị trường cung cấp các sản phẩm dịch vụ công nghiệp trong và ngoài nước.

Đi qua các giai đoạn khó khăn, với tầm nhìn và tư duy luôn tự đổi mới mình để đáp ứng những nhu cầu khát khe nhất của thị trường và khách hàng, Công ty đã tăng quy mô vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính để có thể thực hiện được các Dự án có quy mô lớn hơn. Đến tháng 6/2023, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 68.000.000.000 đồng, tăng cao hơn nhiều lần so với thời điểm năm 2011 khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Mặt khác, Ban lãnh đạo Công ty đã ban hành các chiến lược phát triển kinh doanh với nhiều lĩnh vực mới chưa được khai thác, Công ty đã mạnh mẽ thay đổi định hướng khách hàng, chuyển từ trọng tâm là khách hàng trong ngành công nghiệp dầu khí sang các khách hàng ở nhiều lĩnh vực khác nhau như: Sản xuất nước giải khát, các công trình xây dựng, bảo trì lĩnh vực năng lượng, và hàng hải. Để đáp ứng nhu cầu này, vào tháng 11/2016, Công ty đã quyết định chuyển trụ sở Công ty từ số 5B Phan Đăng Lưu, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về địa chỉ hiện nay tại đường số 6, Khu công nghiệp Đông Xuyên, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để mở rộng quy mô hoạt động cũng như kho chứa vật tư nhằm phù hợp hơn với tình hình mới, từ đó giúp Công ty phát triển nhanh chóng, quy mô doanh thu tăng trưởng gấp nhiều lần.

Tháng 4/2017, Công ty đã đăng ký với Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu về việc thay đổi niên độ kế toán từ 01/01 đến 31/12 hàng năm sang 01/04 đến 31/03 hàng năm. Từ năm 2017 đến nay, năm tài chính của Công ty là từ 01/04 đến 31/03 hàng năm.

Trải qua hơn 10 năm hình thành và phát triển, Công ty xem việc ứng dụng công nghệ hiện đại để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của dự án là ưu tiên hàng đầu. Việc áp dụng các công nghệ kỹ thuật mới cùng với tư duy luôn đổi mới thay đổi để phát triển đã giúp một công ty trẻ như Mèo Đen đáp ứng đủ kiến thức và kinh nghiệm thực hiện các dự án khác nhau từng bước khẳng định được danh tiếng trên thị trường kinh doanh. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao, gắn bó lâu năm. Đội ngũ nhân sự trẻ năng động, luôn mong muốn cống hiến góp phần lớn trong phát triển Công ty trong 10 năm vừa qua.

Minh chứng cho sự phát triển trong giai đoạn 10 năm, Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen vinh dự đạt được Giải thưởng SME100 Châu Á – Doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển nhanh tại khu vực 2020 (SME100 – Fast Moving Companies 2020) do Tạp chí SME Châu Á trao tặng. Giải thưởng SME100 Châu Á được coi là giải thưởng hàng đầu khu vực dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đã được tổ chức thành công tại Malaysia, Singapore và Indonesia.

Ngày 21/10/2024, Công ty chính thức hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(Phần còn lại của trang được cô ý để trống)

Hình 1: Giải thưởng SME100 Châu Á



(Nguồn: CTCP Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen)

1.5. Tóm tắt quá trình góp vốn, thay đổi vốn điều lệ từ thời điểm thành lập của Công ty

Ngày 12/12/2006, Công ty TNHH Ốc Biển được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 200.000.000 đồng. Ngày 12/12/2011, Công ty TNHH Ốc Biển chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng và đổi tên thành Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen. Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty đã thực hiện 9 lần tăng vốn điều lệ và 1 lần giảm vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Bảng 2: Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

DVT: triệu đồng

Đợt	Thời điểm	Giá trị VDL tăng/giảm	VDL sau khi thay đổi	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận
1	12/2006		200	Thành viên sáng lập góp vốn	Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
2	04/2008	2.800	3.000	Tăng vốn góp của thành viên và tiếp nhận thêm vốn góp của thành viên mới	Hội đồng thành viên Công ty Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3	11/2008	7.000	10.000	Thành viên góp thêm vốn	Hội đồng thành viên Công ty Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4	07/2010	(8.800)	1.200	Công ty giảm VDL	Hội đồng thành viên Công ty Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
5	12/2011	1.800	3.000	Tăng vốn góp của thành viên và tiếp nhận thêm vốn góp của thành viên mới; chuyển đổi thành công ty cổ phần	Hội đồng thành viên Công ty Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
6	2/2013	7.000	10.000	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ Công ty Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
7	02/2017	12.000	22.000	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ Công ty Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
8	6/2017	2.345	24.345	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ Công ty Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
9	10/2021	5.655	30.000	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ Công ty Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
10	02/2023	1.268	31.268	Phát hành cổ phần cho người lao động	ĐHĐCĐ Công ty Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
11	06/2023	36.731	68.000	Phát hành cổ phần để trả cổ tức	ĐHĐCĐ Công ty

Đợt	Thời điểm	Giá trị VDL tăng/giảm	VDL sau khi thay đổi	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ quan chấp thuận
				cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen)

Chi tiết các đợt thay đổi vốn điều lệ của Công ty như sau:

❖ **Đợt 1: Góp vốn thành lập**

- Vốn điều lệ thành lập: 200.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận thành lập: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4902001522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/12/2006.
- Hình thức tăng vốn: Góp vốn thành lập công ty
- Kết quả thực hiện:
 - Vốn góp thành lập: 200.000.000 đồng
 - Đối tượng góp vốn: Thành viên sáng lập
 - Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
 - Thời gian góp vốn: Tháng 12/2006 – tháng 01/2007
 - Ngày hoàn thành góp vốn: 01/01/2007
 - Số lượng thành viên góp vốn: 2
- Mục đích sử dụng vốn: Thành lập Công ty.

❖ **Đợt 2: Tăng vốn điều lệ từ 200 triệu đồng lên 3 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 200.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 2.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 3.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định Hội đồng thành viên Công ty TNHH Óc biển số 20/BB-HĐTV ngày 21/03/2008.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4902001522 thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22/04/2008.
- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn góp của thành viên và tiếp nhận thêm vốn góp của thành viên mới.
- Kết quả thực hiện:

- Vốn góp thêm: 2.800.000.000 đồng
- Đối tượng góp vốn: Thành viên Công ty và thành viên mới.
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền.
- Thời gian góp vốn: Tháng 03/2008 đến tháng 05/2008
- Ngày hoàn thành góp vốn: 30/05/2008
- Số lượng thành viên góp vốn: 2
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

❖ **Đợt 3: Tăng vốn điều lệ từ 3 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 3.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 7.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 10.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định Hội đồng thành viên Công ty TNHH Óc biên số 25/BB-HĐTV ngày 10/11/2008.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500773109 thay đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 14/11/2008.
- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn góp của thành viên.
- Kết quả thực hiện: Công ty chưa thu được vốn tăng thêm từ các thành viên theo phương án tăng vốn của Hội đồng thành viên ngày 10/11/2008.

❖ **Đợt 4: Giảm vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng xuống 1,2 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ giảm đi: 8.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi giảm vốn: 1.200.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận giảm vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý:
 - Quyết định Hội đồng thành viên Công ty TNHH Óc biên số 0810/BB-HĐTV ngày 03/07/2010.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500773109 thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 12/07/2010.
- Lý do giảm vốn điều lệ: Các thành viên chưa góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 14/11/2008 và các thành viên cần vốn để phục vụ nhu cầu cá nhân.
- Kết quả thực hiện: Ngày 05/07/2010 Công ty trả tiền góp vốn cho các thành viên với số tiền là 1,8 tỷ đồng và ghi nhận giảm vốn điều lệ chưa góp đủ năm 2008 với số tiền là 7 tỷ đồng.

❖ **Đợt 5: Tăng vốn điều lệ từ 1,2 tỷ đồng lên 3 tỷ đồng và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 1.200.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 1.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 3.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định Hội đồng thành viên Công ty TNHH Ốc biển số 01/QĐ-HĐTV ngày 05/12/2011.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500773109 thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 12/12/2011.
- Hình thức tăng vốn: Tăng vốn góp của thành viên và tiếp nhận thêm vốn góp của thành viên mới (cổ đông sáng lập của Công ty).
- Kết quả thực hiện:
 - Vốn góp thêm: 1.800.000.000 đồng
 - Đối tượng góp vốn: Cổ đông sáng lập của Công ty
 - Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
 - Thời gian góp vốn: Tháng 12/2011 đến tháng 03/2012
 - Ngày hoàn thành góp vốn: 08/03/2012
 - Số lượng cổ đông góp vốn: 2
 - Số lượng cổ đông sau khi góp vốn: 3
- Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm tài sản cố định và bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

❖ **Đợt 6: Tăng vốn điều lệ từ 3 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 3.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 7.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 10.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mè Đen số 0213/QĐ-ĐHĐCĐ ngày ngày 23/01/2013;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500773109 thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 18/02/2013.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- Kết quả thực hiện:

- Số lượng cổ phần phát hành: 700.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 7.000.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền, nợ vay và lợi nhuận sau thuế.
- Thời gian góp vốn: Tháng 1/2013
- Ngày hoàn thành góp vốn: 31/01/2013
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 3
- Số lượng cổ đông/nhà đầu tư tham gia góp vốn: 3
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 3
- Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm tài sản cố định, vật tư giàn giáo và bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

❖ Đợt 7: Tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 22 tỷ đồng

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 12.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 22.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen số 150616/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2016.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500773109 thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 27/02/2017.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành thêm 250.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và phát hành thêm 950.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- Kết quả thực hiện:
 - Số lượng cổ phần phát hành: 1.200.000 cổ phần
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 12.000.000.000 đồng
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
 - Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và góp vốn bằng tiền
 - Thời gian góp vốn: Tháng 8/2016 đến tháng 2/2017

- Ngày hoàn thành góp vốn: 16/02/2017
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 3
- Số lượng cổ đông/nhà đầu tư góp vốn: 3
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 3
- Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán nợ vay ngân hàng và bổ sung nguồn vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh.

❖ **Đợt 8: Tăng vốn điều lệ từ 22 tỷ đồng lên 24,345 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 22.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 2.345.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 24.345.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen số 240417/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500773109 thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 01/06/2017.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu
- Kết quả thực hiện:
 - Số lượng cổ phần phát hành: 234.500 cổ phần
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 2.345.000.000 đồng
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
 - Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền.
 - Thời gian góp vốn: Tháng 05/2017
 - Ngày hoàn thành góp vốn: 23/05/2017
 - Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 3
 - Số lượng cổ đông/nhà đầu tư góp vốn: 3
 - Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 3
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

❖ **Đợt 9: Tăng vốn điều lệ từ 24,345 tỷ đồng lên 30 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 24.345.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 5.655.000.000 đồng

- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 30.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen số 02/QĐ-DHĐCĐ ngày 30/09/2021.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500773109 thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13/10/2021.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành thêm 200.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và phát hành thêm 365.500 cổ phần cho cổ đông hiện hữu
- Kết quả thực hiện:
 - Số lượng cổ phần phát hành: 565.500 cổ phần
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 5.655.000.000 đồng
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
 - Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và góp vốn bằng tiền
 - Thời gian góp vốn: Tháng 09/2021 đến tháng 12/2021
 - Ngày hoàn thành góp vốn: 07/12/2021
 - Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 3
 - Số lượng cổ đông/nhà đầu tư góp vốn: 3
 - Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 3
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh.

❖ **Đợt 10: Tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng lên 31,26883 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 30.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 1.268.830.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 31.268.830.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen số 02/NQ-DHĐCĐ ngày 12/08/2022.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500773109 thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 10/03/2023.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phần cho người lao động
- Kết quả thực hiện:

- Số lượng cổ phần phát hành: 126.883 cổ phần
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá phát hành: Tối thiểu 10.000 đồng/cổ phần (tùy đối tượng người lao động)
 - Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 1.795.534.000 đồng
 - Đối tượng phát hành: Người lao động trong Công ty
 - Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
 - Thời gian góp vốn: Tháng 09/2022 đến tháng 2/2023
 - Ngày hoàn thành góp vốn: 15/02/2023
 - Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 3
 - Số lượng người lao động góp vốn: 20
 - Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 23
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

❖ **Đợt 11: Tăng vốn điều lệ từ 31,26883 tỷ đồng lên 68 tỷ đồng**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 31.268.830.000 đồng
- Vốn điều lệ tăng thêm: 36.731.170.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 68.000.000.000 đồng
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Hồ sơ pháp lý của đợt tăng vốn:
 - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen số 030623/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/06/2023.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500773109 thay đổi lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 21/06/2023.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu
- Kết quả thực hiện:
 - Số lượng cổ phần phát hành: 3.673.117 cổ phần
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
 - Thời điểm tăng vốn: 05/06/2023
 - Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 43
 - Số lượng cổ đông nhận cổ phần phát hành thêm: 43
 - Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 43

Ý kiến của đơn vị kiểm toán:

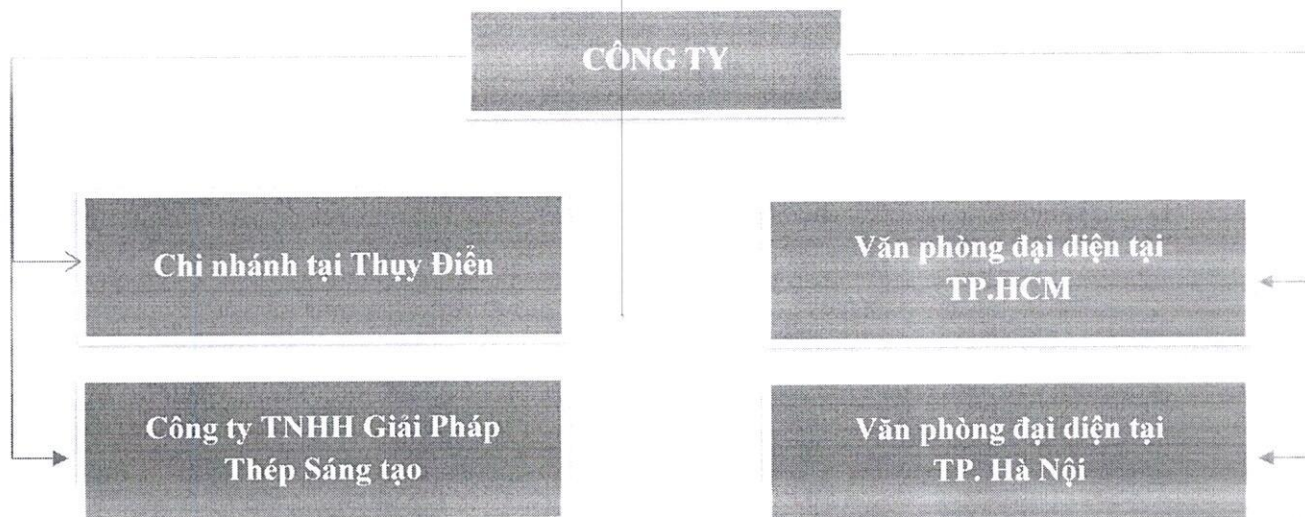
Theo Báo cáo kiểm toán về tình hình góp vốn và sử dụng vốn chủ sở hữu từ ngày 12/12/2006 đến ngày 22/06/2023 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen số 1.1180/23/TC-AC ngày 26/06/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình góp vốn và sử dụng vốn chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần tại ngày 22 tháng 6 năm 2023, cũng như tình hình góp vốn và sử dụng vốn chủ sở hữu từ ngày 12 tháng 12 năm 2006 đến ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình góp vốn và sử dụng vốn chủ sở hữu”.

1.6. Cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng: 24/06/2023
- Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng như sau:
 - + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 107 cổ đông.
 - + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 690.775 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ là 10,16% vốn điều lệ).

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hình 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty



Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:

- Trụ sở chính: Đường số 6, Khu công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Chi nhánh tại Thụy Điển: Vällebergsvägen 8, 459 30 Ljungskile, Thụy Điển.
- Văn phòng đại diện tại TP. HCM: Văn phòng số 01 tầng 15, tòa nhà SSG, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Văn phòng đại diện tại TP. Hà Nội: 39 Quán Gánh, Xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Công ty con:

Công ty TNHH Giải Pháp Thép Sáng tạo (tên cũ: Công ty TNHH Giàn Giáo Công Nghiệp)

Địa chỉ trụ sở chính: 475-477 đường 2/9, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

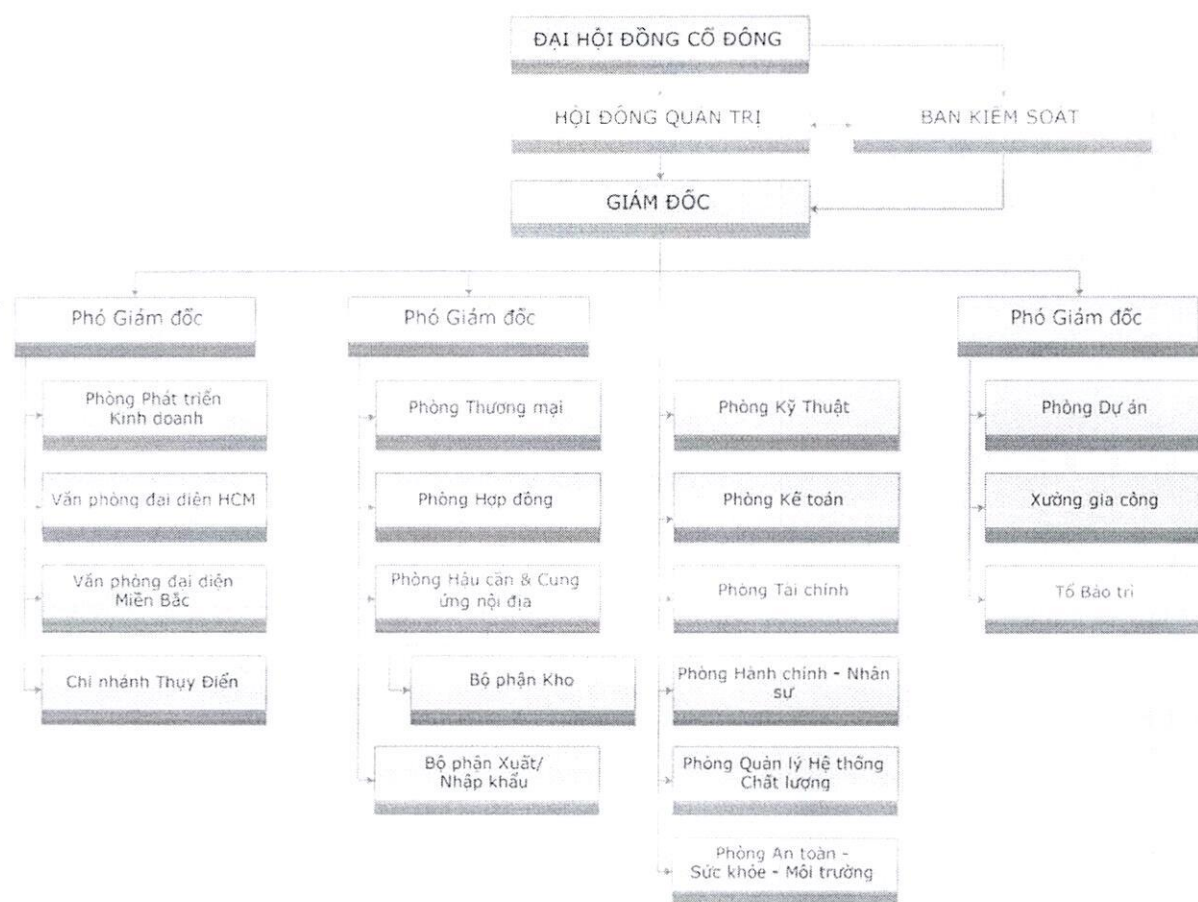
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp, các Luật chuyên ngành khác có liên quan và theo quy định của Điều lệ đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Các Phòng ban chức năng.

Hình 3: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN (Theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐQT ngày 12/11/2024)



(Nguồn: CTCP Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen)

a. Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”)

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b. Hội đồng quản trị (“HĐQT”)

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông.

c. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

d. Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm điều hành hoạt động Công ty theo sự phân công của Giám đốc, và có quyền thay thế Giám đốc đưa ra quyết định quan trọng khi Giám đốc vắng mặt.

e. Các phòng ban chức năng trong Công ty

Các phòng ban, đơn vị trong Công ty thực hiện công việc chức năng theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao

▪ Phòng Hành chính nhân sự:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Giám đốc Công ty.

▪ **Phòng Kế toán:**

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

▪ **Phòng Tài chính:**

- Lập dự toán các quỹ tài chính ngắn hạn và dài hạn để phục vụ mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.
- Lập ngân sách và đưa ra dự báo tài chính cho doanh nghiệp.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính, đo lường lợi nhuận và đề xuất chiến lược tối ưu.
- Tính toán và kiểm soát các rủi ro liên quan đến hoạt động tài chính của tổ chức, đồng thời triển khai các biện pháp phòng ngừa.
- Theo dõi và điều chỉnh dòng tiền để đảm bảo thanh khoản và hỗ trợ phát triển kinh doanh.
- Quản lý các nguồn vốn vay phù hợp với nhu cầu tài chính của Công ty.
- Phân tích và lập báo cáo tài chính định kỳ, tiến hành dự báo tài chính để hỗ trợ ra quyết định chiến lược.
- Duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác tài chính và các cơ quan chức năng liên quan.

▪ **Phòng Quản lý Hệ thống Chất lượng:**

- Thiết lập, thực hiện và duy trì các quá trình cần thiết của hệ thống quản lý chất lượng nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, chất lượng hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra và giám sát việc thực hiện, duy trì, cải tiến các hoạt động chất lượng tại các bộ phận, đảm bảo quá trình thực hiện phù hợp các tiêu chuẩn Công ty đang áp dụng.
- Xây dựng và theo dõi các tiêu chuẩn, quy trình, hướng dẫn, phương pháp kiểm tra theo đúng tiêu chuẩn của Công ty và khách hàng.
- Tổ chức các hoạt động đánh giá, thành lập đội đánh giá, tiến hành các cuộc đánh giá nội bộ và bên ngoài.

Phối hợp với các đơn vị tư vấn tổ chức tập huấn, đào tạo nhận thức cơ bản về các lĩnh vực trong hệ thống nhằm cải tiến quy trình nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả công việc cũng như yêu cầu pháp lý trong hoạt động của Công ty.

▪ **Phòng An toàn – Sức khỏe – Môi trường:**

- Thiết lập, tổ chức và duy trì cải thiện hệ thống An Toàn Sức Khỏe Môi Trường.

- Xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phòng, chống cháy, nổ.
- Xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.
- Chủ trì, phối hợp, tổ chức giám sát, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.
- Quản lý sự cố, rủi ro về an toàn lao động.
- Cập nhật quy định và luật mới của nhà nước để đảm bảo doanh nghiệp luôn tuân thủ tốt nhất các quy định về An Toàn Sức Khỏe Môi Trường.

▪ **Phòng Hợp đồng:**

- Tham gia soạn thảo hợp đồng và kiểm tra, rà soát các điều khoản trong hợp đồng.
- Giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng (bảo lãnh, bảo hiểm, khiếu nại, bồi hoàn).
- Quản lý, kiểm tra và theo dõi tiến trình thực hiện các hợp đồng kinh tế.
- Kiểm tra, rà soát bảng kê tính tiền liên quan đến nghiệm thu đầu ra dự án.
- Theo dõi thời hạn hạn hiệu lực của hợp đồng đầu ra.
- Quản lý và theo dõi quá trình thanh toán hợp đồng, công nợ và các công việc phát sinh sau hợp đồng.
- Làm hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng.
- Theo dõi và đốc thúc việc thanh toán theo hợp đồng.
- Chuẩn bị giấy tờ, hồ sơ thủ tục của các hợp đồng dịch vụ liên quan đến kiện tụng.

▪ **Phòng Thương mại:**

- Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển, mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Nghiên cứu và tham mưu cho Giám đốc trong công tác định hướng kinh doanh.
- Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường; chọn lựa nhà cung cấp chất lượng và xây dựng chiến lược phát triển. Chủ động giao dịch, đàm phán trong và ngoài nước, ký các thư từ, đơn chào hàng, trao đổi thông tin với khách hàng trong nước và nước ngoài trong quá trình giao dịch khi đi đến ký kết hợp đồng kinh doanh của Công ty.
- Chủ động soạn thảo các hợp đồng kinh tế có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; Tổ chức thực hiện đúng quy định các hợp đồng kinh doanh đã được ký kết:

▪ **Phòng Dự án:**

- Quản lý và phát triển nguồn nhân lực cho phòng Quản lý dự án.
- Hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm soát hoạt động quản lý dự án.
- Dự toán chi phí và xây dựng ngân sách, nguồn nhân lực.
- Đảm bảo chất lượng của dự án và đạt sự hài lòng của khách hàng.
- Xây dựng quy trình và phát triển hệ thống quản lý dự án.

▪ **Phòng Kỹ thuật:**

- Chịu trách nhiệm các công việc liên quan đến kỹ thuật của Công ty. Tham mưu cho Giám đốc về lĩnh vực kỹ thuật cơ khí,....
- Thực hiện các công việc chi tiết liên quan đến kỹ thuật của Công ty.
- Đảm bảo sự hoạt động liên tục các hệ thống máy móc, trang thiết bị, cơ sở vật chất tại Công ty.
- **Phòng Hậu cần & Cung ứng nội địa:**
 - Quản lý cung ứng mua hàng nội địa: Xây dựng mạng lưới nhà cung ứng, tối ưu nguồn cung cho các mặt hàng vật tư chính phục vụ sản xuất.
 - Quản lý nguồn hàng, tối ưu vật tư cung cấp kịp thời hàng hóa dịch vụ theo yêu cầu của các phòng ban liên quan.
 - Kiểm tra tính hiệu quả, tối ưu chi phí mua hàng. Đề xuất phương án hiệu quả trong việc mua hàng/định mức hàng hóa tồn kho tối ưu.
 - Quản lý điều tiết bộ phận Kho/hàng hóa đảm bảo thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và cải tiến thay đổi quy trình cho phù hợp tình hình thực tế tại các thời điểm khác nhau.
 - Quản lý vận hành tối ưu xe vận tải của Công ty.
- **Phòng Phát triển kinh doanh/Văn phòng đại diện TP.HCM/Văn phòng đại diện Miền Bắc (TP. Hà Nội):**
 - Nghiên cứu thị trường để tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới.
 - Xác định chiến lược kinh doanh để đạt được mục tiêu của Công ty.
 - Phát triển các khách hàng mới hoặc khách hàng mà lâu Công ty không liên lạc lại
 - Xây dựng mối quan hệ khách hàng.
 - Phát triển sản phẩm, dịch vụ mới của Công ty.
 - Tham mưu đưa ra giá cả sản phẩm để đảm bảo có lợi nhuận và cạnh tranh trên thị trường.
- **Chi nhánh Thụy Điển:**
 - Thực hiện hoạt động kinh doanh, dịch vụ mà trụ sở chính cung cấp, mở rộng phạm vi thị trường và khách hàng.
 - Đại diện Công ty trong giao dịch và quan hệ với đối tác, khách hàng và cơ quan quản lý.
 - Quản lý hoạt động địa phương theo chiến lược Công ty.
 - Thu thập thông tin thị trường hỗ trợ điều chỉnh chiến lược kinh doanh.
- **Xưởng gia công:**
 - Quản lý, giám sát hoạt động trong xưởng, kiểm soát quy trình công nghệ các sản phẩm cần gia công.
 - Lập trình và vận hành máy CNC, kiểm soát quy trình cắt các sản phẩm cần gia công và tối ưu hóa năng suất máy.
 - Giao nhận nguyên vật liệu từ kho Tổng; kiểm kê và theo dõi tình hình nguyên vật liệu và thành phẩm lưu kho và giao cho khách hàng; thống kê năng suất làm việc của các nhóm trong bộ phận sản xuất-gia công; đưa ra báo cáo về số liệu cụ thể cho việc theo dõi sản xuất và sau sản xuất.

▪ **Bộ phận xuất/nhập khẩu:**

- Lập và triển khai các kế hoạch hoạt động xuất/nhập khẩu hàng hóa nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện và giám sát việc mở tờ khai để nhận hàng, xuất hàng đúng thời hạn yêu cầu.
- Lập và triển khai các báo cáo cho hải quan theo yêu cầu của luật hải quan.
- Đề xuất với cấp trên trực tiếp về mỗi ý tưởng sáng tạo nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng công việc của bộ phận.

▪ **Tổ bảo trì:**

- Lập kế hoạch, quản lý công việc sửa chữa - bảo trì các máy móc, thiết bị (MMTB) tại Kho, Văn phòng, Xưởng sản xuất đảm bảo hoạt động chính xác, an toàn.
- Kiểm soát các biện pháp an toàn tại nơi làm việc, đảm bảo rằng tất cả các hoạt động bảo trì tuân thủ các quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.
- Giảm thiểu sự cố, hỏng hóc và giảm thiểu nguy cơ tai nạn hoặc sự cố liên quan đến việc sử dụng các tài sản
- Lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị tại Dự án khi có yêu cầu.

▪ **Bộ phận Kho:**

- Bảo quản thiết bị, vật tư.
- Quản lý, theo dõi xuất nhập tồn.
- Cung ứng thiết bị, vật tư.
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng vật tư thiết bị.
- Quản lý tài sản thanh lý.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/10/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	159	6.473.797	95,20%
1.1	Nhà nước	0	0	0,00%
1.2	Tổ chức	0	0	0,00%
1.3	Cá nhân	159	6.473.797	95,20%
2	Nước ngoài	1	326.203	4,80%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	1	326.203	4,80%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
2.2	Cá nhân	0	0	0,00%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
	Tổng cộng	160	6.800.000	100,00%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	2	5.362.599	78,86%
2	Cổ đông khác	158	1.437.401	21,14%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
	Tổng cộng	160	6.800.000	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại ngày 30/10/2024)

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 30/10/2024

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Hồ Minh Kha	66/9 Hạ Long, phường 2, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4.097.780	60,26%
2	Lê Xuân Mẫn	181/1/1C Trương Công Định, phường 3, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.264.819	18,60%
	Tổng cộng		5.362.599	78,86%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại ngày 30/10/2024)

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 12/12/2011, theo quy định của Luật doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký giao dịch

5.1 Công ty mẹ

Không có.

5.2 Công ty con, công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP THÉP SÁNG TẠO (tên cũ: Công ty TNHH Dịch vụ Giàn giáo Công nghiệp)

Giấy CNĐKDN: Số 3502501894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/06/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/07/2024.

Địa chỉ trụ sở chính: 475-477 đường 2/9, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính: Lắp đặt giàn giáo, dựng giàn giáo

Vốn điều lệ thực góp : 3.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con tại ngày 31/03/2024: 99%

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con tại ngày 12/07/2024: 79%

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen bắt đầu đầu tư vào công ty con trong năm 2023. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502501894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/06/2023 cho Công ty TNHH Dịch vụ Giàn giáo Công nghiệp, Công ty sở hữu 99% vốn điều lệ của Công ty TNHH Dịch vụ Giàn giáo Công nghiệp (vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng). Đến ngày 12/07/2024, Công ty TNHH Giải pháp thép sáng tạo tăng vốn điều lệ lên 3.000.000.000 đồng, Công ty sở hữu 79% vốn điều lệ của Công ty TNHH Giải pháp thép sáng tạo.

6. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

6.1 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

a. Các mảng kinh doanh chính

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen hoạt động chính trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công nghiệp như sau:

- **Dịch vụ bảo ôn cách nhiệt công nghiệp** (thermal insulation): bao gồm tất cả các loại hình bảo ôn cách nhiệt như cách nhiệt nóng (hot insulation), cách nhiệt lạnh (cold/cryogenic insulation), cách âm (acoustic insulation). Dịch vụ bảo ôn cách nhiệt công nghiệp được cung cấp từng phần hoặc trọn gói cho vật liệu cách nhiệt (nguyên liệu chính, vỏ áo kim loại và các phụ kiện cách nhiệt), nhân sự thi công và các máy móc, thiết bị chuyên dụng.
- **Dịch vụ thi công giàn giáo**, cho thuê giàn giáo công nghiệp tiêu chuẩn BS1139 (scaffolding): bao gồm bán/cho thuê vật tư giàn giáo; thi công lắp dựng & tháo dỡ tất cả các loại hình giàn giáo như giàn giáo thấp, giàn giáo treo, giàn giáo chịu lực, giàn giáo di động, giàn giáo trong không gian hạn chế. Vật liệu giàn giáo Tuýp và phụ kiện theo tiêu chuẩn quốc tế BS1139/EN74 đáp ứng các yêu cầu cao nhất về tiêu chuẩn vật tư, yêu cầu tải trọng và an toàn của hầu hết các loại hình nhà máy và công trường thi công.
- **Dịch vụ sơn công nghiệp và hệ thống chống cháy thụ động** (painting & passive fireproofing): bao gồm thi công làm sạch bề mặt cho nhiều sản phẩm từ kết cấu thép, bê tông, bồn, bể chứa, silô, hệ thống FGD và thi công sơn/chống cháy trọn gói, chuyên môn cho các nhà máy công nghiệp như sơn chịu nhiệt, sơn chống ăn mòn, sơn và xi măng/vữa chống cháy.
- **Dịch vụ thi công vật liệu chịu nhiệt cao/chịu lửa** (refractory): được cung cấp từng phần hoặc trọn gói cho vật liệu chịu lửa gồm vật liệu chính (bông gốm, gạch chịu lửa, castable) và các phụ kiện, nhân sự thi công và các máy móc, thiết bị chuyên dụng.

Các dịch vụ công nghiệp mà Công ty cung cấp được sử dụng rộng rãi trong nhiều loại hình nhà máy và lĩnh vực công nghiệp đa dạng như mảng thực phẩm và giải khát F&B, hóa chất, năng lượng, dầu khí, lọc hóa dầu, xây dựng công nghiệp, và hàng hải. Công ty đã thực hiện nhiều dự án từ

Bắc vào Nam, từ các dự án trên bờ đến các dự án ngoài khơi giàn khoan Việt Nam và phát triển cả thị trường nước ngoài, đặc biệt chủ yếu trong khu vực Đông Nam Á như Philippines, Myanmar, Malaysia, Cambodia, Laos và vươn tầm xa hơn ra thị trường Châu Mỹ (Chile), Châu Phi (Nigeria, Uganda).

Đối với hoạt động kinh doanh, Công ty định hướng tập trung vào lĩnh vực mũi nhọn là bảo ôn cách nhiệt. Công ty đã và đang tạo dựng được sự tin tưởng của các Chủ đầu tư và tổng thầu với chất lượng dịch vụ xứng tầm, khắc tên tuổi và dấu ấn đậm nét của mình trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp tại Việt Nam và khu vực.

b. Một số dự án đã thực hiện của Công ty

Bảng 5: Một số dự án đã thực hiện của Công ty

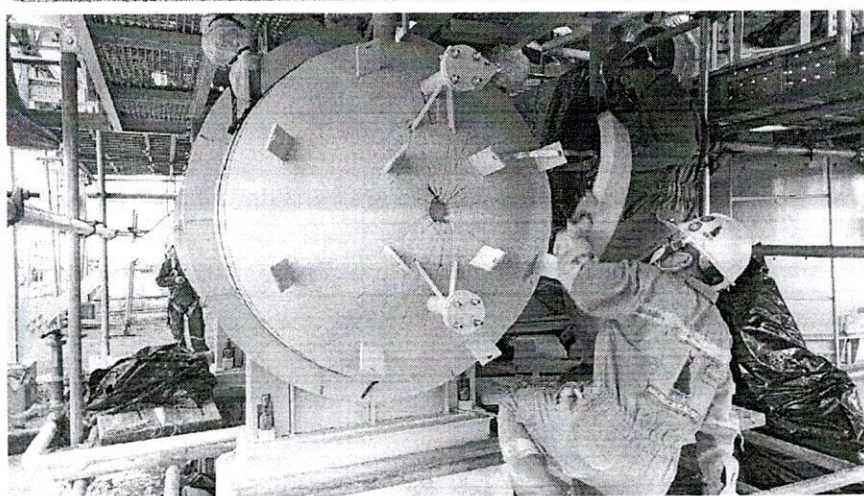
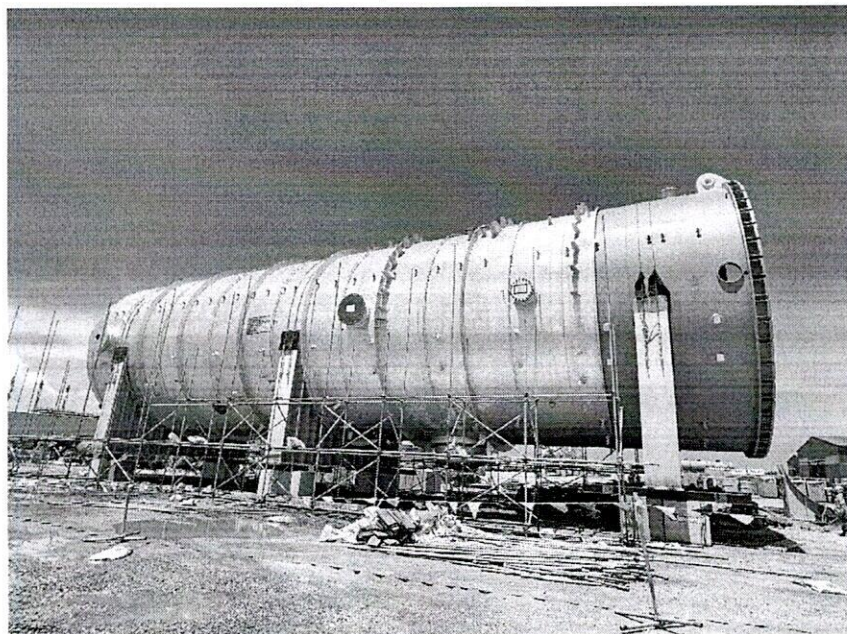
Năm	Dự án	Khách hàng	Địa điểm thực hiện	Quy mô dự án	Dịch vụ	Loại hình nhà máy
2019	Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 Mở rộng	Jurong Engineering (Singapore)	Duyên Hải	~ 8 tỷ đồng	Sơn công nghiệp trọn gói	Nhiệt điện
2019	Nhà máy nhôm Lâm Đồng	Nhôm Lâm Đồng	Lâm Đồng	~ 22 tỷ đồng	Sơn công nghiệp trọn gói	Hóa chất
2019	Nhà máy xi măng Insee Hòn Chồng	Insee	Kiên Giang	~ 7 tỷ đồng	Giàn giáo trọn gói	Xi măng công nghiệp
2019	Nhà máy bia Heineken Vũng Tàu	GEA GmbH Krones AG Ziemann Holvrieka	Phú Mỹ	~ 20 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Thực phẩm và giải khát F&B
2019	Nhà máy San Miguel (Philippines)	GEA GmbH	CDO & Santa Rosa Philippines	~ 12 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Thực phẩm và giải khát F&B
2020	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A1	PTSC Corp	Long Sơn	~ 47 tỷ đồng	Giàn giáo trọn gói	Dầu khí
2020	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói G	Huyndai E&C	Long Sơn	~ 50 tỷ đồng	Cách nhiệt và chống cháy trọn gói	Dầu khí
2020	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu	Lilama Corp	Hậu Giang	~ 3 tỷ đồng	Chống cháy trọn gói	Nhiệt Điện
2020	Nhà máy Nhiệt Điện Nhơn Trạch	PVP Nhơn Trạch & Siemen AG	Nhơn Trạch	~ 9 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Nhiệt Điện
2020	Giàn Ruby2	CTCP DV Khai thác DK PTSC	Offshore	~ 10 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Dầu khí
2020	Tàu Vietsovpetro 01	Vietsovpetro	Offshore	~ 5 tỷ đồng	Giàn giáo trọn gói	Dầu khí

Năm	Dự án	Khách hàng	Địa điểm thực hiện	Quy mô dự án	Dịch vụ	Loại hình nhà máy
2020	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A2	Boiler Master Việt Nam	Long Sơn	~ 50 tỷ đồng	Vật tư Cách nhiệt gia công	Dầu khí
2021	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A1	PTSC Corp	Long Sơn	~ 280 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Dầu khí
2021	Kho chứa LNG Thị Vải	PTSC Corp	Cái Mép	~ 80 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Dầu khí hóa lỏng (LNG)
2021	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A1	LILAMA	Long Sơn	~ 10 tỷ đồng	Vật tư Cách nhiệt gia công	Dầu khí
2021	Nhà máy Nhiệt Điện Cà Mau	PVP Cà Mau	Cà Mau	~ 13 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Nhiệt Điện
2021	Nhà máy bia Heineken Vũng Tàu	Krones AG	Phú Mỹ	~ 12 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Thực phẩm và giải khát F&B
2021	Nhà máy cơ khí hàng hải Vinaoffshore	JohnZink – Morgan	Vũng Tàu	~ 10 tỷ đồng	Refractory trọn gói	Hàng hải
2022	Cảng PTSC	PTSC POS	Vũng Tàu	~ 11 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Dầu khí
2022	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A1	Liên danh TPSK	Long Sơn	~ 7 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Dầu khí
2022	Nhà máy xi măng Hòn Chông Kiên Giang	SIAM CITY CEMENT	Kiên Giang	~ 4 tỷ đồng	Giàn giáo trọn gói	Xi măng công nghiệp
2022	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A1	LILAMA	Long Sơn	~ 14 tỷ đồng	Vật tư Cách nhiệt	Dầu khí
2022	Nhà máy bia Myanmar	CIMC LIQUID PROCESS	Myanmar	~ 12 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Thực phẩm và giải khát F&B
2022	Kho chứa LNG Thị Vải	CNI	Long Sơn	~5 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Dầu khí hóa lỏng (LNG)
2022	Giàn Chim Sáo	Premier Oil	Offshore	~ 5 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Dầu khí
2023	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A1	LILAMA Corp	Long Sơn	~ 8 tỷ đồng	Vật tư Cách nhiệt gia công	Dầu khí
2023	Nhà máy Nhiệt Điện Nhơn Trạch 1&2	PVP-Nhon Trạch 2	Nhon Trạch	~ 19 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Nhiệt Điện
2023	Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	EVN GenCo 3	Phú Mỹ	~ 13 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Nhiệt Điện
2023	Nhà máy Nhiệt Điện Cà Mau 1&2	PVP-Cà Mau	Cà Mau	~ 8,5 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Nhiệt Điện

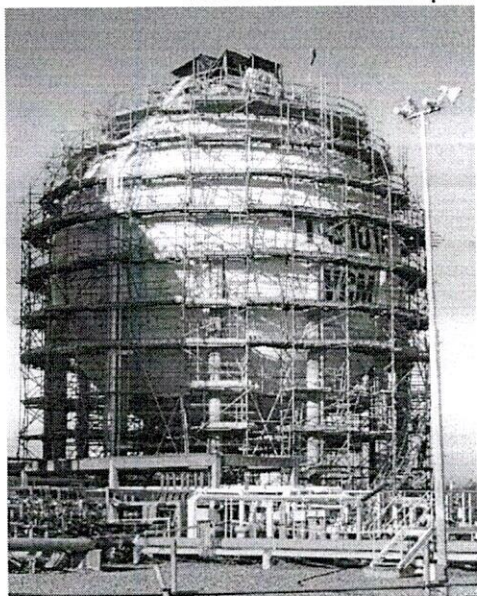
Năm	Dự án	Khách hàng	Địa điểm thực hiện	Quy mô dự án	Dịch vụ	Loại hình nhà máy
2023	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A1	LILAMA Corp	Long Sơn	~ 12 tỷ đồng	Vật tư Cách nhiệt	Dầu khí
2023	Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A1	Liên danh Tổng thầu TPSK	Long Sơn	~ 11 tỷ đồng	Giàn giáo trọn gói	Hóa chất
2023	Nhà máy Nhiệt Điện Cà Mau	Siemen Energy	Cà Mau	~ 7,8 tỷ đồng	Giàn giáo trọn gói	Xi măng công nghiệp
2023	Nhà máy xi măng Insee Hòn Chông	SIAM CITY CEMENT	Kiên Giang	~ 5,3 tỷ đồng	Giàn giáo trọn gói	Xi măng công nghiệp
2024	Nhà máy Nhôm Đak Nông	Nhôm Đak Nông	Đak Nông	~10,9 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Hóa chất
2024	Hệ thống các Nhà máy bia Heineken	Heineken Việt Nam	Hà Nội, Đà Nẵng, HCM, Vũng Tàu, Tiền Giang	~ 8 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Thực phẩm và giải khát F&B
2024	Hệ thống các Nhà máy xi măng Insee	Siam City Cement	Hòn Chông, Thị Vải, Cát Lái	~ 2 tỷ đồng	Giàn giáo trọn gói	Xi măng công nghiệp
2024	Nhà máy bia Khmer & Ganzberg	Pentair Haffman	Cambodia	~ 2,2 tỷ đồng	Vật tư Cách nhiệt	Thực phẩm và giải khát F&B
2024	Nhà máy bia Tawandang	Ziemann Hovrieka	Thái Lan	~ 1,2 tỷ đồng	Vật tư Cách nhiệt	Thực phẩm và giải khát F&B
2024	TPC Offshore Wind Power Generation Phase II	PV Shipyard	Vũng Tàu	~ 27 tỷ đồng	Cách nhiệt & HVAC trọn gói	Dầu khí
2024	HRS Module Kanfa	PV Shipyard	Vũng Tàu	~ 9,3 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Dầu khí
2024	Nhà máy Nhiệt Điện Duyên Hải	Nhiệt điện Duyên Hải	Trà Vinh	~ 5,2 tỷ đồng	Giàn giáo trọn gói	Nhiệt Điện
2024	Nhà máy Taoyuan LNG regass	Yung Fong Foam Industrial	Đài Loan	~ 1,3 tỷ đồng	Vật tư Cách nhiệt	Dầu khí hóa lỏng (LNG)
2024	Nhà máy bia Heineken Myanmar	CIMC LIQUID PROCESS	Myanmar	~ 14 tỷ đồng	Cách nhiệt trọn gói	Thực phẩm và giải khát F&B
2024	Nhà máy Hóa dầu Long Sơn	Long Sơn Petrochemical Complex	Vũng Tàu	~ 2 tỷ đồng	Vật tư Cách nhiệt	Hóa chất

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen)

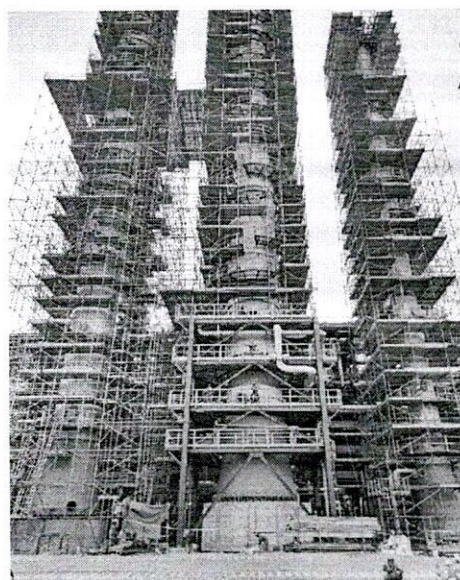
Hình 4: Một số dự án thi công cách nhiệt của Công ty



Hình 5: Hình ảnh dịch vụ thi công dàn giáo công nghiệp của Công ty



Dự án Hóa chất Phú Mỹ 2



Dự án Nhà máy lọc dầu Long Sơn, gói A1

c. Về nguyên vật liệu đầu vào

Do sự đa dạng trong các loại nguyên vật liệu của bảo ôn (cách nhiệt nóng, lạnh, cách âm hay siêu lạnh), nên thị trường nguyên vật liệu đầu vào cho lĩnh vực này cũng đa dạng với nhiều chủng loại và mạng lưới nhà sản xuất rộng khắp thế giới.

Với tính chất dịch vụ dự án, hầu hết nguồn vật tư Công ty cung cấp đều phải tuân thủ các yêu cầu của Project Specification (Đặc điểm thông số kỹ thuật dự án), mà trong đó yêu cầu về kỹ thuật vật liệu và nhãn hiệu của các nhà sản xuất thường được chi định rõ. Sau hơn 10 năm làm việc trong ngành, trực tiếp thử nghiệm và thi công nhiều loại vật liệu bảo ôn khác nhau đến từ nhiều nhà sản xuất khác nhau, Công ty đã lựa chọn ra được những đơn vị sản xuất đầu ngành để hợp tác; đến hiện tại, Công ty đã trở thành đại lý chính thức tại thị trường Việt Nam của những thương hiệu đầu vào có tên tuổi trên thị trường thế giới như sau:

Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp của Công ty

Stt	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ nhà máy	Sản phẩm/ vật liệu
1	ROCKWOOL Thailand	Thái Lan	Rockwool (bông len đá) – Bảo ôn nóng
2	MORGAN Thermal Ceramic	Trung Quốc, UAE, Ấn độ, Pháp	Ceramic fiber & refractory – Bảo ôn nóng
3	KINGSPAN Insulation	Bi, Vương Quốc Anh	PUR, PIR, phenolic foam – Bảo ôn lạnh
4	OWENS CORNING	Trung Quốc, Bi, Mỹ	Cellular glass – Bảo ôn lạnh & nóng
5	PROFESSIONAL INSULATION (IIG Group)	Thái Lan	Insulation Pillow – Gói cách nhiệt
6	HB FULLER	Mỹ	Vật liệu phụ cho bảo ôn nóng, lạnh: sealant, mastic, vapor stop
7	CHERRIT INTERNATIONAL (Sealumet Group)	Úc, Singapore, UAE	Vỏ kim loại bọc bảo ôn: thép không gỉ, nhôm
8	ĐẠI PHÚC MINH	Posco Việt Nam	Vỏ kim loại bọc bảo ôn: thép không gỉ, nhôm
9	SAINT-GOBAIN Adfors - HKO APAC SAM	Đức	Needle mat - Vải thủy tinh cách nhiệt - Bảo ôn nóng
10	JIC VIETNAM (DAIPALITE)	Việt Nam	Calcium silicate- Bảo ôn nóng

Stt	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ nhà máy	Sản phẩm/ vật liệu
11	INSU-W-RAPID	Hà Lan	Vỏ kim loại bọc bảo ôn: thép không gỉ, nhôm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen)

Các thương hiệu từ các nhà sản xuất vật liệu mà Công ty Mèo Đen đang phân phối là những dòng sản phẩm chất lượng cao và luôn nằm trong top 5 được biết đến rộng rãi trên thế giới. Sự hợp tác với các nhà sản xuất này mang lại lợi thế cạnh tranh cho Công ty trên nhiều phương diện như:

- Dễ dàng được chủ đầu tư phê duyệt vào danh sách nhà cung cấp được chấp nhận (Approval vendor list).
- Được mua trực tiếp với đơn giá rất cạnh tranh so với việc mua bán thông qua một đơn vị đại lý khác.
- Được cung cấp chính sách công nợ thanh toán trả sau.
- Chủ động lựa chọn giá mua (EXW) và linh hoạt thời gian sản xuất, thời gian vận chuyển, đảm bảo thời gian cung ứng vật tư theo tiến độ dự án.

Không dừng lại ở những mảng vật liệu truyền thống kể trên, đến nay, Công ty đã và đang sử dụng, tiếp cận dòng vật liệu cao cấp và tiên tiến hơn, đi đầu trong các ngành công nghiệp ở thị trường các nước phát triển, điển hình như vật liệu bảo ôn Aerogel (từ Công ty Aspen Aerogel US), lớp vỏ bọc bảo ôn Non-metallic GRP (Glass Reinforced Polymer) (từ Ulva UK or Solartech UAE) hay các dòng vật liệu được chứng nhận FM Approvals trên toàn cầu... Vì thế, Công ty nâng tầm thêm năng lực cạnh tranh cho các dự án xuất khẩu ra thị trường mới như khu vực Đông Nam Á, Trung Á (Quatar, UAE), các nước Châu Phi (Nigeria, Uganda).

Đối với các mảng dịch vụ khác như sơn công nghiệp và chống cháy thụ động, Công ty cũng có sự hợp tác lâu dài với các thương hiệu uy tín và nổi tiếng trên thị trường như International Paints, Carboline, Jotun, Promat (Cafco Fendolite), Isolotek.

Từ năm 2020, mặc dù có sự biến động chung của thị trường trong thời gian qua do yếu tố dịch bệnh, chiến tranh, vận tải quốc tế nhưng Công ty vẫn hạn chế được sự ảnh hưởng nhất định nhờ vào nguồn cung lớn và ổn định từ các nhà sản xuất trên để duy trì được nguồn đầu vào với mức biến động giá nằm trong ngưỡng cho phép.

6.2 Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty trong 02 niên độ tài chính¹ gần nhất như sau:

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Niên độ 2022 – 2023		Niên độ 2023 - 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dịch vụ bảo ôn cách nhiệt công nghiệp	232.925	70.8%	189.553	61.6%

¹ Niên độ tài chính của Công ty trình bày trong Bản công bố thông tin này như sau: niên độ 2022-2023 (từ ngày 01/04/2022 đến ngày 31/03/2023), niên độ 2023-2024 (từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024).

Khoản mục	Niên độ 2022 – 2023		Niên độ 2023 - 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dịch vụ thi công giàn giáo, cho thuê giàn giáo công nghiệp	43.279	13,2%	43.170	14,0%
Dịch vụ sơn và chống cháy	1.745	0,5%	6.499	2,1%
Dịch vụ thi công vật liệu chịu nhiệt cao/chịu lửa	557	0,2%	1.106	0,4%
Khác	50.496	15,3%	67.523	21,9%
Tổng cộng	329.002	100%	307.851	100%

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen)

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Niên độ 2022 - 2023		Niên độ 2023 - 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dịch vụ bảo ôn cách nhiệt công nghiệp	232.925	70,8%	189.553	61,51%
Dịch vụ thi công giàn giáo, cho thuê giàn giáo công nghiệp	43.279	13,2%	43.465	14,11%
Dịch vụ sơn và chống cháy	1.745	0,5%	6.499	2,11%
Dịch vụ thi công vật liệu chịu nhiệt cao/chịu lửa	557	0,2%	1.106	0,36%
Khác	50.496	15,3%	67.523	21,91%
Tổng cộng	329.002	100%	308.146	100%

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen)

Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty của hai niên độ tài chính gần nhất, dịch vụ bảo ôn cách nhiệt công nghiệp là dịch vụ chính mang lại phần lớn doanh thu của Công ty, cụ thể tỷ trọng của dịch vụ này trên doanh thu thuần hợp nhất niên độ 2022 - 2023 và niên độ 2023 – 2024 của Công ty lần lượt là 70,8% và 61,51%; tiếp theo, dịch vụ thi công/cho thuê giàn giáo công nghiệp đóng góp vào khoảng 13%-14% trong doanh thu thuần của cả 2 niên độ vừa qua; phần còn lại của cơ cấu doanh thu thuần đóng góp từ các dịch vụ như dịch vụ sơn và chống cháy, thi công vật liệu chịu nhiệt cao/chịu lửa, và dịch vụ khác.

Doanh thu thuần hợp nhất niên độ 2023 – 2024 của Công ty giảm 6,34% so với cùng kỳ năm trước là do dịch vụ bảo ôn cách nhiệt giảm 18,62% so với cùng kỳ trong khi đây là hoạt động chiếm tỷ trọng cao nhất trong doanh thu thuần. Dịch vụ thi công giàn giáo/cho thuê giàn giáo niên độ 2023

– 2024 giữ được mức doanh thu ổn định như năm trước, còn các dịch vụ còn lại có sự tăng trưởng khá cao so với năm trước tuy nhiên chiếm tỷ trọng thấp hơn trong cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất.

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty trong 02 niên độ tài chính gần nhất như sau:

Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Niên độ 2022 – 2023		Niên độ 2023 – 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dịch vụ bảo ôn cách nhiệt công nghiệp	29.669	42,9%	13.671	26,3%
Dịch vụ thi công giàn giáo, cho thuê giàn giáo công nghiệp	21.433	31,0%	15.014	28,9%
Dịch vụ sơn và chống cháy	616	0,9%	867	1,7%
Dịch vụ thi công vật liệu chịu nhiệt cao/chịu lửa	142	0,2%	131	0,3%
Khác	17.298	25,0%	22.271	42,9%
Tổng	69.158	100%	51.954	100%

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen)

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Niên độ 2022 – 2023		Niên độ 2023 – 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dịch vụ bảo ôn cách nhiệt công nghiệp	29.669	42,9%	13.671	26,37%
Dịch vụ thi công giàn giáo, cho thuê giàn giáo công nghiệp	21.433	31,0%	14.908	28,75%
Dịch vụ sơn và chống cháy	616	0,9%	867	1,67%
Dịch vụ thi công vật liệu chịu nhiệt cao/chịu lửa	142	0,2%	131	0,25%
Khác	17.298	25,0%	22.271	42,96%
Tổng	69.158	100%	51.848	100%

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen)

Tương ứng với cơ cấu doanh thu thuần, hai hoạt động đóng góp chính vào lợi nhuận gộp của Công ty là dịch vụ bảo ôn cách nhiệt công nghiệp và dịch vụ thi công giàn giáo, cho thuê giàn giáo công nghiệp. Lợi nhuận gộp của dịch vụ bảo ôn cách nhiệt công nghiệp trong 02 niên độ 2022-2023 và niên độ 2023-2024 chiếm tỷ trọng lần lượt là 42,9% và 26,37%. Còn lợi nhuận gộp của dịch vụ thi công giàn giáo, cho thuê giàn giáo công nghiệp trong 02 niên độ 2022-2023 và niên độ 2023-2024 lần lượt là 31% và 28,75%.

6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh

Tỷ trọng các loại chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 11: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Niên độ 2022 – 2023		Niên độ 2023 – 2024	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	259.844	78,98%	255.897	77,78%
Chi phí tài chính	11.952	3,63%	10.441	3,17%
Chi phí bán hàng	0	0,00%	398	0,12%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.117	5,51%	28.824	8,76%
Chi phí khác	306	0,09%	2.010	0,61%
Tổng cộng	290.219	88,21%	297.569	90,45%

(Nguồn: BCTC tổng hợp niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

Bảng 12: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Niên độ 2022 – 2023		Niên độ 2023 – 2024	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	259.844	78,98%	256.298	83,17%
Chi phí tài chính	11.952	3,63%	10.441	3,39%
Chi phí bán hàng	0	0,00%	398	0,13%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.117	5,51%	28.872	9,37%
Chi phí khác	306	0,09%	2.010	0,65%
Tổng cộng	290.219	88,21%	298.019	96,71%

(Nguồn: BCTC hợp nhất niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty (hợp nhất) niên độ 2022 - 2023 đạt 290,2 tỷ đồng, chiếm 88,21% doanh thu thuần. Tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty (hợp nhất) niên độ 2023 - 2024 đạt 298 tỷ đồng, chiếm 96,71% doanh thu thuần và tăng 2,69% so với niên độ trước, nguyên nhân là do chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 59,37% so với cùng kỳ phần lớn chi phí tăng đến từ hoạt động marketing, lương, các khoản thưởng cho Người lao động. Công ty luôn nỗ lực trong

việc kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty; đặc biệt là quản lý riêng doanh thu, chi phí của từng dự án thực hiện để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

6.4 Trình độ công nghệ

Năm 2019, Công ty đã quyết định thực hiện đầu tư vào máy móc thiết bị bằng việc nhập khẩu các máy cắt CNC tự động công nghệ cao: Twin Fastwire CNC Foam Cutting Machine (WINTech Engineering) & Fiber Laser Metal Cutting Machine (BODOR CNC Machine).

Năm 2023, Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Giải pháp Thép Sáng tạo, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh với hệ thống máy hàn hiện đại: máy hàn TIG dùng điện (TIG 250S W228 JASIC; TIG 300 W229 (TP2)), máy hàn kim loại bằng tia laser (LW-1500W (TTC), máy hàn laser (LS-20000F (2000W) - Jasic (TTC), cùng hệ thống máy móc gia công: máy cán mí nổi ống tròn, máy ghép mí đứng LOCK 1&2 (khổ tôn 1500mm) và máy lốc tấm ba trục (TTC). Sự đầu tư mạnh mẽ vào công tác quản lý, máy móc và thiết bị tự động hóa nhằm tăng năng suất, đáp ứng tốc độ gia công, cung cấp sản phẩm nhanh chóng cho nhu cầu của các dự án.

Với đội ngũ kỹ sư trình độ cao thực hiện lập trình, vận hành hệ thống máy cắt la-ze chính xác, chuyên gia công kim loại phục vụ bọc cách nhiệt và hệ thống máy cắt foam khối theo công nghệ Châu Âu sử dụng dây cắt đường viền đôi, nhập khẩu từ Úc, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tự động hóa đã giúp tăng năng suất gấp 6 lần, đồng thời giảm lượng hao hụt, rác thải lên đến 50%. Năng suất vận hành trung bình 1000m²/ngày cho gia công kim loại và 25-30m³/ngày cho thành phẩm bảo ôn cách nhiệt. Bên cạnh đó, chất lượng gia công thành phẩm được hoàn thiện một cách chính xác và đồng đều, đã giúp Công ty tạo ra các dòng sản phẩm vật liệu bảo ôn cách nhiệt có chất lượng quốc tế với giá thành rất cạnh tranh. Sự đổi mới công nghệ này giúp Công ty rút ngắn được khoảng cách giữa sản phẩm gia công tại Việt Nam với các sản phẩm bảo ôn phân khúc cao trên thị trường Châu Âu, Đông Á... và tạo nên lợi thế cho Công ty tiếp cận và xuất khẩu các sản phẩm cách nhiệt đến các dự án thi công ở nước ngoài.

Bên cạnh đầu tư máy móc công nghệ hiện đại, Công ty vẫn duy trì đầy đủ hệ thống máy móc truyền thống cho dịch vụ bảo ôn cách nhiệt như máy cắt tôn, máy chạy chỉ, máy cuốn ống, máy gấp mí, máy đục lỗ để hỗ trợ công tác thi công nhanh chóng và kịp thời, xử lý các trường hợp linh hoạt tại công trường, đảm bảo dự án đáp ứng tiến độ thi công hợp lý. Đối với các dòng máy móc dùng thi công trực tiếp tại công trường cho dịch vụ làm sạch bề mặt, phun sơn, phun bột chống cháy, làm lining, Công ty cũng đang vận hành bộ máy móc hiện đại từ các nhà sản xuất nổi tiếng như: máy phun cát ước Ecoquip EQ300S các dòng máy phun của Graco US (Xtreme PFP Model 16T311, F800E Model 25M800, Xtreme 68.1/74.1). Các thiết bị cho công tác kiểm tra, nghiệm thu cũng được trang bị đầy đủ để đáp ứng các yêu cầu kiểm tra cao nhất của khách hàng như: Elcometer A456CFNFBS, Elcometer E124, Elcometer G116C-1, Elcometer G319S, Elcometer F108, Elcometer E138-1, Elcometer D236, Elcometer G113-2B. Công tác chuẩn bị trước thi công, vận hành, kiểm tra và nghiệm thu luôn được đội ngũ nhân viên, kỹ sư Công ty thực hiện theo quy trình, mẫu biểu đánh giá và phân tích rủi ro, các báo cáo tổng hợp để đảm bảo hệ thống máy móc đủ chất lượng và được sử dụng đúng, từ đó đảm bảo chất lượng thi công của dự án.

6.5 Hoạt động Marketing, nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Các hình thức marketing trực tiếp chủ yếu mà Công ty thường sử dụng là: giới thiệu về Công ty và các sản phẩm, dịch vụ của Công ty thông qua website của Công ty để khách hàng có thể nắm được thông tin về các dịch vụ. Công ty gửi các bản báo giá, chào hàng, giới thiệu qua fax, điện thoại, internet, thư trực tiếp đến khách hàng.

Trong những năm sắp tới, Công ty có định hướng mở rộng kinh doanh qua cung cấp sản phẩm thành phẩm cho ngành bảo ôn, hoạt động quảng bá, nhãn hiệu, sáng chế cũng có kế hoạch thay đổi theo hướng chuyên sâu phát triển thương hiệu sản phẩm cách nhiệt có chứng nhận chống cháy, kháng cháy cao (Không cháy lan, không tạo khói, không nhỏ tàn). Công ty đang gia công 2 dòng sản phẩm cho bảo ôn lạnh - siêu lạnh Kingscat từ PIR foam – Kinspan và bảo ôn nóng Rockcat từ sản phẩm len đá Rockwool. Hai dòng sản phẩm KingsCat và RockCat đã được tiến hành đăng ký sở hữu bản quyền thương hiệu và sản phẩm. Bên cạnh đó, Black Cat đang nghiên cứu chế tạo sản phẩm giá đỡ cho các hệ thống ống từ phần gia công cơ khí kim loại cho đến phần bảo ôn chịu lạnh bên trong gọi là cold /Cryogenic pipe Support.

Công ty phát triển thêm sản phẩm cách nhiệt lạnh cho hệ thống làm lạnh (Chiller), hệ thống điều hòa không khí (HVAC). Sản phẩm sẽ có chứng chỉ chống cháy theo tiêu chuẩn chống cháy các giàn khoan, các trạm điện gió ngoài khơi, chống cháy cellulose A0, 15, 30, 60, 90 và 120 phút cũng như chống cháy hydrocarbon H0, 15, 30, 60, 90 và 120 phút.

Phương pháp quảng bá: Ngoài các hoạt động marketing truyền thống, Công ty sẽ đưa các sản phẩm mới tham gia các hội chợ triển lãm HVAC (Hệ thống thông gió và làm lạnh), Vật liệu xây dựng mới; tổ chức hội thảo giới thiệu sản phẩm mới, phát triển mạng bán hàng điện tử thông qua đăng ký các kênh bán hàng online trên các trang Alibaba; tăng cường hình ảnh quảng bá doanh nghiệp qua các kênh uy tín Dun & Bradstreet.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm gần nhất và trong kỳ gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty 02 niên độ tài chính gần nhất, được tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 13: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

DVT: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Niên độ 2022 – 2023	Niên độ 2023 – 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	229.879	181.077	(21,23)%
2	Vốn Chủ sở hữu	72.811	76.942	5,67%
3	Doanh thu thuần	329.002	307.851	(6,43)%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.454	14.293	(65,52)%
5	Lợi nhuận khác	982	14.601	1.387,34%
6	Lợi nhuận trước thuế	42.436	28.894	(31,91)%
7	Lợi nhuận sau thuế	33.523	22.403	(33,17)%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	121,50% (*)	63,74% (**)	(57,76)%

TT	CHỈ TIÊU	Niên độ 2022 – 2023	Niên độ 2023 – 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
9	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	123,35% (*)	21% (**)	(102,35)%
10	Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (đồng/cổ phần)	23.285	11.315	(51,41)%

(Nguồn: BCTC tổng hợp niên độ 2023-2024 đã kiểm toán và thông tin Công ty cung cấp)

Tổng giá trị tài sản của Công ty (theo BCTC riêng) tại 31/03/2024 đạt 181 tỷ đồng, giảm 48,8 tỷ đồng so với thời điểm 31/03/2023, tương ứng giảm 21,23%, nguyên nhân chính là do trong kỳ Công ty thực hiện trả cổ tức bằng tiền niên độ 2022-2023 và tạm ứng cổ tức bằng tiền niên độ 2023-2024 với tổng giá trị là 18,28 tỷ đồng; cũng như Công ty thanh toán bớt dư nợ vay tại các ngân hàng.

Doanh thu thuần (theo BCTC riêng) niên độ 2023 – 2024 đạt 307 tỷ đồng, giảm 6,43% so với cùng kỳ niên độ 2022 - 2023. Tuy nhiên, các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty niên độ 2023 – 2024 giảm khá mạnh so với cùng kỳ, cụ thể: lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 65,52%, lợi nhuận trước thuế giảm 31,91%, và lợi nhuận sau thuế giảm 33,17%. Nguyên nhân chính khiến cho lợi nhuận giảm là do doanh thu giảm so với cùng kỳ (giảm 6,43%) nhưng giá vốn hàng bán không giảm tương ứng (giảm 1,52%) và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ lại tăng cao (tăng 59,1%), trong đó chủ yếu tăng đến từ hoạt động marketing, lương thưởng cho Người lao động.

Bảng 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Niên độ 2022 – 2023	Niên độ 2023 – 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	229.879	179.544	(21,90)%
2	Vốn Chủ sở hữu	72.811	75.384	3,53%
3	Doanh thu thuần	329.002	308.146	(6,34)%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.454	14.139	(65,89)%
5	Lợi nhuận khác	982	13.195	1.244,10%
6	Lợi nhuận trước thuế	42.436	27.333	(35,59)%
7	Lợi nhuận sau thuế	33.523	20.826	(37,87)%
8	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	33.523	20.828	(37,87)%
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	0	(2)	N/A
10	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	121,50% (*)	68,56% (**)	(52,94)%

TT	CHỈ TIÊU	Niên độ 2022 – 2023	Niên độ 2023 – 2024	Tỷ lệ tăng/giảm
11	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	123.35% (*)	21% (**)	(102,35)%
12	Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (đồng/cổ phần)	23.285	11.083	(52,40)%

(Nguồn: BCTC hợp nhất niên độ 2023-2024 đã kiểm toán và thông tin Công ty cung cấp)

Ghi chú:

(*) Tỷ lệ cổ tức của niên độ 2022-2023 gồm: Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu là 117,47% (tính trên vốn điều lệ 31.268.830.000 đồng), tỷ lệ cổ tức bằng tiền là 5,88% (tính trên vốn điều lệ là 68.000.000.000 đồng).

(**) Công ty đã thanh toán cổ tức niên độ 2023-2024 là 21% (tính trên vốn điều lệ là 68.000.000.000 đồng).

Tổng giá trị tài sản của Công ty (theo BCTC hợp nhất) tại 31/03/2024 đạt 179 tỷ đồng, giảm 50,3 tỷ đồng so với thời điểm 31/03/2023, tương ứng giảm 21,90%, nguyên nhân chính là do trong kỳ Công ty thực hiện trả cổ tức bằng tiền niên độ 2022-2023 và tạm ứng cổ tức bằng tiền niên độ 2023-2024 với tổng giá trị là 18,28 tỷ đồng; cũng như Công ty thanh toán bớt dư nợ vay tại các ngân hàng.

Doanh thu thuần (theo BCTC hợp nhất) niên độ 2023 - 2024 đạt 308 tỷ đồng, giảm 6,34% so với cùng kỳ niên độ 2022 - 2023. Doanh thu thuần giảm là do 1 trong 3 hợp đồng lớn đang thực hiện của Công ty chưa nghiệm thu được với khách hàng và các hợp đồng khác dự kiến nghiệm thu trong niên độ 2023 - 2024 nhưng thực tế được nghiệm thu vào đầu niên độ 2024 - 2025. Các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty niên độ 2023 – 2024 giảm khá mạnh so với cùng kỳ, cụ thể: lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 65,89%, lợi nhuận trước thuế giảm 35,59%, và lợi nhuận sau thuế giảm 37,87%. Nguyên nhân chính là do doanh thu giảm so với cùng kỳ (giảm 6,34%) nhưng giá vốn hàng bán không giảm tương ứng (giảm 1,36%) và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ lại tăng cao (tăng 59,37%), trong đó chủ yếu tăng đến từ hoạt động marketing, lương thưởng cho Người lao động. Tuy nhiên, lợi nhuận khác của Công ty trong niên độ năm 2023 – 2024 đạt 13 tỷ đồng, tăng 12,2 tỷ đồng so với niên độ năm 2022 - 2023, chủ yếu do lãi thanh lý công cụ dụng cụ.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Thuận lợi

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty có thị trường khai thác đa dạng cho hầu hết các loại hình nhà máy công nghiệp: ngành giải khát & thực phẩm, hóa chất, dầu khí, năng lượng, nhiệt điện.
- Đội ngũ Ban lãnh đạo có kiến thức, kinh nghiệm và năng động trong kinh doanh.
- Công ty đã tạo dựng được thương hiệu và uy tín với các chủ đầu tư, tổng thầu (EPC) lớn.
- Tái ký hợp đồng với các Khách hàng cũ có giá trị trong năm 2023 và ký kết thêm được các hợp đồng khung với các Khách hàng lớn đang giao dịch như Siemens, Harbour Energy, Siam City, HVB Vietnam...
- Đầu tư vào máy móc thiết bị đã giúp Công ty có khả năng đáp ứng nhiều tiêu chuẩn khắt khe của các tổng thầu.

- Công ty có trụ sở đặt tại TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đây là nơi có nhiều khu công nghiệp và tập trung nhiều công ty ngành dầu khí, thuận lợi cho Công ty tìm kiếm các khách hàng tiềm năng.

7.2.2 Khó khăn

- Nền kinh tế Việt Nam bắt đầu gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn hậu Covid-19: lãi suất tăng cao, ngành xây dựng – bất động sản gặp khó, ngành xuất khẩu giảm sản lượng do đơn hàng giảm..., do đó, phần nào sẽ tác động đến các khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

8. Vị thế của Công ty trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Đối với mảng bảo ôn cách nhiệt, Công ty Mèo Đen đã đầu tư công nghệ máy móc tự động hóa để gia công sản xuất vật liệu bảo ôn, nhờ đó Công ty có năng suất vận hành gia công sản xuất vật liệu bảo ôn với quy mô lớn tại Việt Nam. Sự đầu tư để đổi mới công nghệ máy móc thiết bị đã giúp Công ty rút ngắn được khoảng cách giữa sản phẩm gia công tại Việt Nam với các sản phẩm bảo ôn phân khúc cao trên thị trường thế giới như Châu Âu, Đông Á và tạo nên lợi thế cho Công ty tiếp cận và xuất khẩu các sản phẩm bảo ôn cách nhiệt đến các dự án thi công ở nước ngoài.

Dù có sự ảnh hưởng không nhỏ từ đại dịch Covid-19 đến hoạt động xuất khẩu cho các dự án nước ngoài, nhưng Công ty vẫn duy trì được 9,3% doanh thu từ mảng xuất khẩu này trong năm 2023. Và đây cũng sẽ là một mảng kinh doanh chiến lược của Công ty trong 5 năm tới khi Công ty có chiến lược:

- Giữ mối quan hệ với các khách hàng nước ngoài truyền thống (Steinecker, GEA, Ziemann) để cung cấp vật tư cho họ tại các dự án nước ngoài mà Công ty không thể đưa Nhân sự sang thi công.
- Đi cùng các Tổng thầu EPC lớn trong nước ra nước ngoài (Tập đoàn PTSC, Hyundai, Lilama) cạnh tranh với các đối thủ lớn.

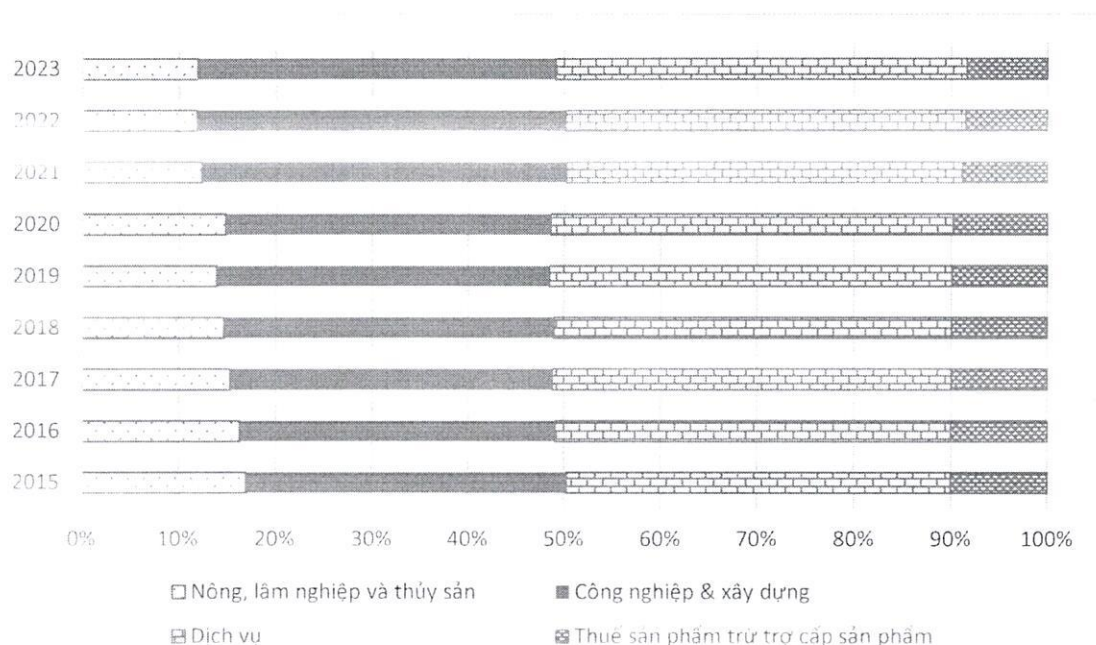
Chiến lược đầu tư công nghệ máy móc và sử dụng vật liệu tiên tiến (PIR/Phenolic FM Approval) cũng đã giúp Công ty mở ra thêm nhiều tiềm năng tăng trưởng cho mảng kinh doanh mới trong ngành như:

- Gia công Thuê cho khách hàng trong nước: Khách hàng cấp vật tư, Công ty gia công thành phẩm và giao lại khách hàng.
- Các hãng sản xuất vật liệu bảo ôn thô (dạng block) cũng có thể trở thành khách hàng của Công ty khi họ tham gia các dự án trong khu vực Châu Á/Đông Nam Á theo chiến lược “cung cấp vật tư thô/bán thành phẩm đến Công ty Mèo Đen gia công sản xuất, sau đó bán thành phẩm cho Nhà cung cấp ra dự án nước ngoài” nhằm tối ưu hóa chi phí dự án & tăng tính cạnh tranh cao nhất so với các đối thủ nước ngoài.

Đối với mảng thi công giàn giáo/cho thuê giàn giáo công nghiệp: từ cuối năm 2020 Công ty Mèo Đen sở hữu hơn 3.000 tấn giàn giáo, đây là nguồn lực lớn đã giúp Công ty thắng được các dự án giàn giáo lớn tại Nhà máy lọc dầu Long Sơn, nhà máy LNG. Với khối lượng lớn giàn giáo này, từ năm 2023 trở đi, hệ thống giàn giáo của Công ty luôn sẵn sàng tiềm lực để thực hiện nhiều dự án cùng một thời điểm. Đây là công cụ chiến lược để tham gia các dự án xây dựng mới, dự án lớn trong tương lai. Công ty sẽ sử dụng ưu thế về vật tư giàn giáo có sẵn để lựa chọn các dự án phù hợp, dùng giàn giáo để hỗ trợ tối đa cho sự phát triển ngành mũi nhọn bảo ôn của Công ty.

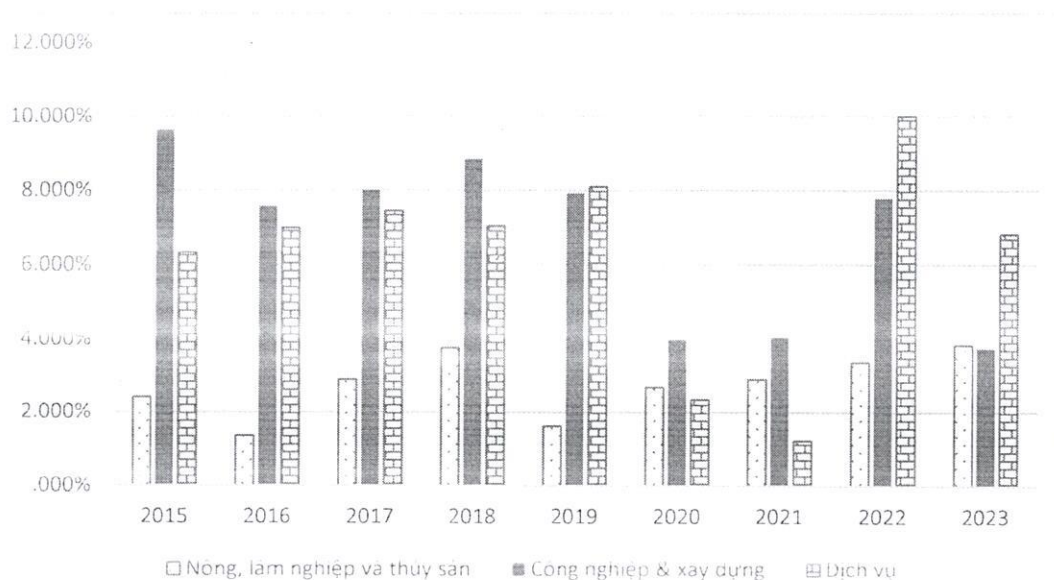
8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Hình 6: Cơ cấu nền kinh tế Việt Nam giai đoạn từ 2015 - 2023



(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ website Tổng cục Thống kê www.gso.gov.vn)

Hình 7: Tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế vào tốc độ tăng trưởng của toàn nền kinh tế giai đoạn từ 2015 - 2023



(Nguồn: Số liệu tổng hợp từ website Tổng cục Thống kê www.gso.gov.vn)

Những năm gần đây (từ 2015 – 2021), khu vực công nghiệp và xây dựng có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất so với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; và khu vực dịch vụ khi xét mức độ tăng trưởng của từng ngành vào tốc độ tăng trưởng của toàn nền kinh tế. Năm 2022 và 2023, ngành dịch vụ đóng góp tăng trưởng lần lượt là 9,99% và 6,82% trong mức tăng chung của cả nền kinh tế, do sự bùng nổ dịch vụ sau 2 năm ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19. Nếu xét về cơ cấu nền kinh tế, ngành công nghiệp và xây dựng có đóng góp quan trọng chỉ xếp thứ 2 sau ngành dịch vụ với tỷ trọng bình quân khoảng 35% trong giai đoạn 2015 - 2023. Theo đó, đi cùng với xu hướng tăng trưởng của

ngành công nghiệp Việt Nam, việc đầu tư xây dựng nhiều nhà máy công nghiệp mới ngày càng tăng và mở rộng trải dài khắp đất nước cho thấy tiềm năng phát triển rất lớn của ngành dịch vụ công nghiệp kèm theo. trong đó có dịch vụ bảo ôn cách nhiệt/son/chống cháy thụ động; đây cũng là cơ sở tạo ra tiềm năng tăng trưởng tốt cho Công ty trong việc tiếp cận và tham gia các dự án xây dựng nhà máy mới, tạo ra mảng doanh thu lớn và kéo dài theo thời gian của dự án.

Bên cạnh đó, ngành dịch vụ bảo ôn cách nhiệt có thị trường khai thác rất đa dạng, có thể cung cấp dịch vụ cho hầu hết các loại hình nhà máy công nghiệp như ngành giải khát & thực phẩm, hóa chất, dầu khí, năng lượng, nhiệt điện. Ở đâu có hệ thống vận hành ở nhiệt độ càng cao (>100oC) hoặc càng thấp (<0oC) thì ở đó sẽ có nhu cầu bảo toàn nhiệt/năng lượng, nghĩa là cần dịch vụ bảo ôn cách nhiệt. Vì vậy, triển vọng phát triển ngành dịch vụ bảo ôn cách nhiệt trong tương lai là rất tiềm năng để khai thác.

9. Chính sách đối với người lao động của Công ty

9.1 Thu nhập bình quân người lao động trong Công ty

Bảng 15: Lương, thu nhập bình quân của người lao động

DVT: đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Mức tiền lương bình quân	14.077.000	15.103.000
Mức thu nhập bình quân	16.364.020	22.724.236

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen)

9.2 Số lượng người lao động trong Công ty

Tại thời điểm 31/10/2024, Công ty có 334 nhân viên đang làm việc, được phân loại cụ thể như sau:

Bảng 16: Cơ cấu lao động của Công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	334	100%
Phân theo trình độ lao động		
- Trình độ đại học, trên đại học	80	24%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	13	4%
- Trình độ khác	241	72%
Phân theo loại hợp đồng lao động		
- Hợp đồng không thời hạn	120	36%
- Hợp đồng có thời hạn	214	64%
Phân theo giới tính		
- Nữ	45	13%
- Nam	289	87%

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen)

9.3 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Chính sách đào tạo: Công ty coi trọng công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, văn hóa, ngoại ngữ, tin học cho người lao động nhằm phục vụ thiết thực có hiệu quả cao cho Công ty. Trong chiến lược phát triển Công ty, từng giai đoạn, vào thời điểm thích hợp, Công ty sẽ đào tạo hoặc cử người lao động đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ tay nghề cho phù hợp với yêu cầu công việc thực tế.
- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Công ty hiện đang áp dụng quy chế trả lương theo từng bộ phận, trả lương phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi cán bộ, công nhân viên và nhiệm vụ của từng bộ phận, tập thể trong công ty (trả lương theo năng suất chất lượng hiệu quả công tác). Cụ thể, chính sách lương của Công ty có các điểm nổi bật sau đây:
 - + Chế độ tính công đối với các dự án trên biển (Offshore): Người lao động làm việc các dự án ngoài khơi (offshore) được tính công hệ số cao hơn cho toàn bộ thời gian làm việc trên biển;
 - Chế độ tính công đối với các dự án nước ngoài: Người lao động làm việc các dự án nước ngoài được chấm công thêm theo hệ số cao hơn tùy theo tính chất của từng dự án; trợ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm/ bổ nhiệm cho nhân sự tại dự án;
 - + Hỗ trợ ăn đêm cho các công trình lớn và cần tiến độ; hỗ trợ đi lại, nhà trọ khi làm việc tại các dự án;
 - + Lương thưởng Tháng 13; thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong công việc; thưởng cho cá nhân, tập thể được khách hàng khen thưởng;
 - + Xét thưởng thêm vào các dịp Lễ, Tết: Tết Dương lịch, lễ 30/4 - 1/5, lễ 2/9, Kỷ niệm thành lập Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định. Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT và sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Bảng 17: Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty trong 03 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Niên độ 2021-2022	Niên độ 2022-2023	Niên độ 2023-2024
Tỷ lệ cổ tức/VĐL	60%	123,35% (*)	21% (**)
- Cổ tức bằng tiền	60%	5,88%	21%
- Cổ tức bằng cổ phiếu	-	117,47%	-
Tình hình thực hiện trả cổ tức	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen)

Ghi chú:

(*) Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu là 117,47% (tính trên vốn điều lệ 31.268.830.000 đồng), tỷ lệ cổ tức bằng tiền là 5,88% (tính trên vốn điều lệ là 68.000.000.000 đồng).

(**) Công ty đã thanh toán cổ tức niên độ 2023-2024 là 21% (tính trên vốn điều lệ là 68.000.000.000 đồng).

11. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

11.1.2 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

Vốn điều lệ và vốn kinh doanh qua các năm như sau:

Bảng 18: Vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/03/2023	31/03/2024
I	Vốn điều lệ	31.270	68.000
II	Vốn kinh doanh	229.879	181.076
1	Nợ phải trả	157.068	104.135
-	Nợ ngắn hạn	150.336	96.701
-	Nợ dài hạn	6.732	7.435
2	Vốn chủ sở hữu	72.811	76.941
-	Vốn góp của chủ sở hữu	31.270	68.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	527	527
-	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
-	Cổ phiếu quỹ		
-	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28	36
-	Quỹ đầu tư phát triển	-	-
-	LNST chưa phân phối	40.986	8.378

(Nguồn: BCTC tổng hợp niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

Bảng 19: Vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/03/2023	31/03/2024
I	Vốn điều lệ	31.270	68.000
II	Vốn kinh doanh	229.879	179.544
1	Nợ phải trả	157.068	104.160
-	Nợ ngắn hạn	150.336	96.725
-	Nợ dài hạn	6.732	7.435
2	Vốn chủ sở hữu	72.811	75.384
-	Vốn góp của chủ sở hữu	31.270	68.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	527	527
-	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
-	Cổ phiếu quỹ	-	-
-	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28	36
-	Quỹ đầu tư phát triển	-	-
-	LNST chưa phân phối	40.986	6.803
-	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	18

(Nguồn: BCTC hợp nhất niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

11.1.3 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao của TSCĐ hữu hình cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12
Máy móc và thiết bị	03 – 10

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06

Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. TSCĐ thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao của TSCĐ thuê tài chính cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 07

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến TSCĐ vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TSCĐ vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy vi tính và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

11.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

11.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 20: Các khoản phải nộp của Công ty mẹ

DVT: triệu đồng

Khoản mục	31/03/2023	31/03/2024
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.373	6.852

Khoản mục	31/03/2023	31/03/2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.703	6.490
Thuế thu nhập cá nhân	1.157	1.098
Tổng	11.233	14.400

(Nguồn: BCTC tổng hợp niên độ 2022-2023 đã kiểm toán của Công ty)

Bảng 21: Các khoản phải nộp của Công ty hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	31/03/2023	31/03/2024
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.373	6.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.703	6.507
Thuế thu nhập cá nhân	1.157	1.098
Tổng	11.233	14.457

(Nguồn: BCTC hợp nhất niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

Công ty thực hiện nộp các khoản thuế: thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thuế, khoản phải nộp Nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2023, Công ty có phát sinh việc chậm đóng bảo hiểm cho người lao động và đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 1154/QĐ-XPHC ngày 17/05/2023 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do chậm nộp bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế quá thời hạn quy định, trong đó tổng mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm là 180.000.000 đồng.

Ngày 05/06/2023, Công ty đã thực hiện nộp số tiền phạt theo Quyết định số 1154/QĐ-XPHC ngày 17/05/2023 vào ngân sách nhà nước.

Công ty xin lưu ý và tuân thủ các quy định của pháp luật về thời gian đóng bảo hiểm cho người lao động, đảm bảo quyền lợi của người lao động Công ty.

11.1.6 Trích lập các quỹ

Tỷ lệ trích lập các quỹ hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Công ty chưa trích lập quỹ, do đó tại thời điểm 31/03/2024, số dư các quỹ là 0 đồng.

11.1.7 Tổng dư nợ vay

Tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Bảng 22: Dư nợ vay của Công ty mẹ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/03/2023	31/03/2024
a. Vay ngắn hạn	97.582	48.095

Chỉ tiêu	31/03/2023	31/03/2024
Vay ngắn hạn	95.424	45.201
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu	69.872	8.179
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Vũng Tàu	12.643	7.945
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	6.966	23.055
Ngân hàng TMCP Quốc dân – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	2.960	3.043
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu	2.983	2.980
Vay dài hạn đến hạn trả	1.490	1.550
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	668	1.344
b. Vay dài hạn	3.682	4.439
Ngân hàng TMCP Quốc dân – Chi nhánh Vũng Tàu	2.835	2.032
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	299	171
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu	0	624
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Vũng Tàu	0	692
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu	0	0
Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	548	920
Tổng cộng	101.264	52.534

(Nguồn: BCTC tổng hợp niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

Bảng 23: Dư nợ vay của Công ty hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/03/2023	31/03/2024
a. Vay ngắn hạn	97.582	48.095
Vay ngắn hạn	95.424	45.201
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu	69.872	8.179

Chỉ tiêu	31/03/2023	31/03/2024
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Vũng Tàu	12.643	7.945
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	6.966	23.055
Ngân hàng TMCP Quốc dân – Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	2.960	3.043
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu	2.983	2.980
Vay dài hạn đến hạn trả	1.490	1.550
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	668	1.344
b. Vay dài hạn	3.682	4.439
Ngân hàng TMCP Quốc dân – Chi nhánh Vũng Tàu	2.835	2.032
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	299	171
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu	0	624
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Vũng Tàu	0	692
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu	0	0
Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	548	920
Tổng cộng	101.264	52.534

(Nguồn: BCTC hợp nhất niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

11.1.8 Tình hình công nợ hiện nay

– Các khoản phải thu

Bảng 24: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các khoản phải thu	31/03/2023	31/03/2024
I	Phải thu ngắn hạn	50.321	68.484
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24.835	64.067
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.534	837
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	20.050	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	4.475	6.450

TT	Các khoản phải thu	31/03/2023	31/03/2024
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.572)	(2.870)
II	Phải thu dài hạn	1.266	1.221
1	Phải thu dài hạn khác	1.266	1.221
	Tổng cộng	51.588	69.705

(Nguồn: BCTC tổng hợp niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

Bảng 25: Các khoản phải thu hợp nhất của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các khoản phải thu	31/03/2023	31/03/2024
I	Phải thu ngắn hạn	50.321	68.484
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24.835	64.067
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.534	837
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	20.050	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	4.475	6.450
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.572)	(2.870)
II	Phải thu dài hạn	1.266	1.221
1	Phải thu dài hạn khác	1.266	1.221
	Tổng cộng	51.588	69.705

(Nguồn: BCTC hợp nhất niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

- Các khoản phải trả:

Bảng 26: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các khoản phải trả	31/03/2023	31/03/2024
I	Phải trả ngắn hạn	150.336	96.701
1	Phải trả người bán ngắn hạn	15.995	16.595
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.160	3.490
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.233	14.440
4	Phải trả người lao động	11.340	6.130
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	251	966
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3	51
7	Phải trả ngắn hạn khác	4.686	4.002
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	97.582	48.095
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.086	2.931
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-

TT	Các khoản phải trả	31/03/2023	31/03/2024
II	Phải trả dài hạn	6.732	7.435
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9	54
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.682	4.439
3	Dự phòng phải trả dài hạn	3.041	2.941
	Tổng cộng	157.068	104.135

(Nguồn: BCTC tổng hợp niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

Bảng 27: Các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các khoản phải trả	31/03/2023	31/03/2024
I	Phải trả ngắn hạn	150.336	96.725
1	Phải trả người bán ngắn hạn	15.995	16.595
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.160	3.490
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.233	14.457
4	Phải trả người lao động	11.340	6.130
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	251	966
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3	51
7	Phải trả ngắn hạn khác	4.686	4.009
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	97.582	48.095
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.086	2.931
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
II	Phải trả dài hạn	6.732	7.435
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9	54
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.682	4.439
3	Dự phòng phải trả dài hạn	3.041	2.941
	Tổng cộng	157.068	104.160

(Nguồn: BCTC hợp nhất niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

– **Hàng tồn kho:**

Bảng 28: Hàng tồn kho của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hàng tồn kho	31/03/2023	31/03/2024
1	Hàng mua đang đi trên đường	2.849	8.542
2	Nguyên liệu, vật liệu	30.063	27.829
3	Công cụ, dụng cụ	782	1.821

TT	Hàng tồn kho	31/03/2023	31/03/2024
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	78.365	38.228
5	Thành phẩm	2.044	3.621
6	Hàng hóa	21	39
	Tổng cộng	114.123	80.080

(Nguồn: BCTC tổng hợp niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

Bảng 29: Hàng tồn kho của Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Hàng tồn kho	31/03/2023	31/03/2024
1	Hàng mua đang đi trên đường	2.849	8.542
2	Nguyên liệu, vật liệu	30.063	27.829
3	Công cụ, dụng cụ	782	1.821
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	78.365	38.228
5	Thành phẩm	2.044	3.621
6	Hàng hóa	21	39
	Tổng cộng	114.123	80.080

(Nguồn: BCTC hợp nhất niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Niên độ 2022-2023	Niên độ 2023-2024	Niên độ 2022-2023 (*)	Niên độ 2023-2024
Chỉ số thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,36	1,63	1,36	1,63
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,60	0,80	0,60	0,80
Chỉ số về cơ cấu vốn					

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Niên độ 2022-2023	Niên độ 2023-2024	Niên độ 2022-2023 (*)	Niên độ 2023-2024
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,68	0,58	0,68	0,58
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,16	1,35	2,16	1,38
Chỉ số về năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,54	1,50	1,54	1,51
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	1,83	1,70	1,83	1,71
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	2,54	2,64	2,54	2,64
Chỉ số về khả năng sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	10,19%	7,28%	10,19%	6,76%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân (ROA)	%	10,72%	6,99%	10,72%	10,17%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	52,27%	29,92%	52,27%	28,11%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	-	-	4.993	3.063

(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC tổng hợp niên độ 2022-2023, BCTC tổng hợp niên độ 2023-2024, BCTC hợp nhất niên độ 2023-2024 đã kiểm toán của Công ty)

Ghi chú: (*) Công ty bắt đầu lập BCTC hợp nhất từ niên độ 2023-2024. Số liệu các chỉ tiêu tài chính hợp nhất niên độ 2022-2023 bằng với số liệu các chỉ tiêu tài chính của BCTC tổng hợp niên độ 2022-2023.

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định của Công ty theo Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 đã kiểm toán của Công ty như sau:

Bảng 31: Tài sản cố định của Công ty tại 31/03/2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1. Tài sản cố định hữu hình	31.306	14.190	45,33%
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.428	2.670	41,53%
Máy móc và thiết bị	7.651	2.685	35,10%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16.540	8.726	52,76%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	688	109	15,79%
2. Tài sản cố định thuê tài chính	43.691	23.076	73,04%
Máy móc và thiết bị	4.621	3.257	70,49%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.093	916	83,83%
3. Tài sản cố định vô hình	319	180	56,42%
Phần mềm máy tính	319	180	56,42%
Tổng cộng	37.339	18.543	

(Nguồn: BCTC tổng hợp niên độ 2023 - 2024 đã kiểm toán của Công ty)

Bảng 32: Danh sách tài sản lớn của Công ty tại 31/03/2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1	Máy cắt kim loại tự động Bodor F3015 (TTC)	951.996.460	571.197.868	60,00%
2	Máy nén khí AIRMAN 750HP (TTC)	106.556.508	0	0,00%
3	Máy phun sơn chống cháy GRACO PFP 1K SYSTEM WITH CART A12095 (TTC)	174.548.443	92.408.011	52,94%
4	Hệ thống máy phun cát ướt Ecoquip 300S -1 (TTC)	366.820.328	224.825.360	61,29%
5	Hệ thống máy phun cát ướt Ecoquip 300S (TTC)	268.473.679	151.321.519	56,36%

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
6	Máy phun vật liệu chống cháy F800E Model 25M800 - Graco (TTC)	262.237.990	128.329.222	48,94%
7	Máy ép thủy lực (lực ép 40 tấn)	90.000.000	61.500.000	68,33%
8	Máy ép thủy lực (lực ép 40 tấn)	90.000.000	63.000.000	70,00%
9	Máy nén khí trực vít CPMZY-15A	120.000.000	84.000.000	70,00%
10	Máy nén khí Denyo 800	180.000.000	162.000.000	90,00%
11	Máy nén khí chạy điện KOBELCO 75kw	130.000.000	116.999.998	90,00%
12	Máy phun sơn 30.1 - Graco	185.000.000	177.291.668	95,83%
13	Máy nén khí chạy điện Hitachi 75kW	150.000.000	142.500.000	95,00%
14	Máy chạy chỉ điện và gấp mí S561MF	155.395.296	38.988.094	25,09%
15	Máy cắt tôn điện (máy-bàn chặt tôn) AMADA (1280 x3,2mm)	104.700.000	3.433.710	3,28%
16	Máy gia công Pir/Foamglass - TFW2018-2560-FT (Serial number: 547)	3.360.660.128	1.872.755.015	55,73%
17	Máy làm nóng dán foil nhôm	89.032.357	23.454.788	26,34%
18	Máy phun foam GRACO Reactor A25	327.180.000	62.152.454	19,00%
19	Máy phun foam Reactor A25 - Graco(TTC)	176.789.537	0	0,00%
20	Máy phun foam GRACO A5-6000	402.777.873	0	0,00%
21	HT Máy phun sơn GRACO A74.1	205.827.200	0	0,00%
22	HT Máy phun sơn GRACO Xtreme X70	89.500.000	0	0,00%
23	Máy gia công Pir/Foamglass - TFW2018-2550-FT (Serial number: 553) -1	1.837.442.444	1.616.063.834	87,95%
24	Hệ thống palang cầu trục chữ A 5 tấn (TTC) -1	103.677.419	82.941.939	80,00%
25	Xe nâng điện Komatsu 2.5 tấn (TTC) -1	195.354.839	153.789.979	78,72%
26	Xe nâng động cơ dầu Mitsubishi - Max 3500kg (TTC)	371.250.001	324.256.331	87,34%
	Tổng cộng	10.495.220.502	6.153.209.790	58,63%

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, chiến lược phát triển Công ty, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2024 – 2025 với các chỉ tiêu như sau:

Bảng 33: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức niên độ 2024 – 2025

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện niên độ 2023 - 2024	Kế hoạch niên độ 2024 - 2025	% tăng giảm so với niên độ trước
1	Doanh thu thuần	tỷ đồng	307.851	260.000	(15,5)%
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	22.403	13.000	(42)%
3	Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	76.942	89.942	16,9%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,28%	5,00%	(2,28)%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	29,92%	15,58%	(14,34)%
6	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	21%	6%	(15)%

(Nguồn: CTCP Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen)

Ghi chú:

- Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức niên độ 2024-2025; tỷ lệ cổ tức của niên độ 2023-2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0124/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/09/2024.
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu của niên độ 2024-2025: Vốn chủ sở hữu của Công ty được tạm tính trong trường hợp Công ty không chào bán cổ phần trong năm và không tạm ứng cổ tức niên độ 2024-2025.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thực hiện sát sao chiến lược và mục tiêu kinh doanh đã đề ra. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận niên độ 2024 - 2025 được Công ty xây dựng dựa trên các yếu tố sau:

- Tập khách hàng trung thành tiếp tục ký kết hợp đồng nguyên tắc mới cho 2 năm 2024-2025 tiếp theo như Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn, Công ty Điện lực BOT Phú Mỹ 3, Công ty CP DV Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (POS), Siemens, Harbour Energy, HVB Vietnam là một phần đảm bảo nguồn doanh thu ổn định sắp tới.
- Sự phát triển và mở rộng các nhà máy mới tại Việt Nam (dự án nhà máy Nhiệt Điện Quảng Trạch 1, Sơn Mỹ CPPP, Phú Mỹ Plastic (PMP), LPG Thị Vải Termial, Nhà máy Kingspan Việt Nam, Nhà máy cà phê Bình Dương mở ra nhiều cơ hội và thúc đẩy nhu cầu các dịch vụ

công nghiệp mà công ty đang thực hiện. Đó là những tín hiệu vĩ mô tích cực giúp Công ty đặt kế hoạch doanh thu lợi nhuận như trên.

- Sự hỗ trợ thông tin các dự án mới/ Khách hàng mới từ các hãng sản xuất mà Công ty đang làm đại diện phân phối cũng giúp tăng cơ hội tham gia dự án và lấy dự án.

Biện pháp thực hiện

- Tăng cường công tác thị trường, bám sát và nắm bắt kịp thời thông tin dự án, nghiên cứu hướng phát triển mảng kinh doanh mới (đặc biệt đối với mảng sản phẩm bảo ôn cho hệ thống HVAC có chứng nhận FM Approval), chọn lọc và tập trung thị trường hoạt động trọng điểm.
- Tiếp tục nâng cao uy tín với khách hàng bằng chất lượng dịch vụ (không trễ tiến độ dự án, không lỗi bảo hành dự án), củng cố mạng lưới khách hàng, mở rộng thị trường và sàng lọc khách hàng tiềm năng.
- Hoàn thiện và nâng cao hệ thống quản lý dự án, đảm bảo các dự án được thực hiện theo chi phí có kiểm soát và tối ưu.
- Xây dựng chính sách chăm sóc đối với các khách hàng thân thuộc và chính sách đối với các nhà cung cấp lâu dài.
- Kiện toàn bộ máy nhân sự, tăng cường công tác quản trị, kiểm tra kiểm soát để giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Đánh giá kết quả đạt được đến thời điểm hiện tại, so sánh với kế hoạch và đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch:

Sáu tháng đầu năm của niên độ tài chính 2024 - 2025 (từ 01/04/2024 đến 30/09/2024), doanh thu thuần của Công ty tạm tính đạt được là hơn 80 tỷ đồng, đạt khoảng 31% kế hoạch của niên độ 2024 - 2025; lợi nhuận sau thuế của Công ty tạm tính đạt được là hơn 6 tỷ đồng, đạt khoảng 46% kế hoạch của niên độ 2024 - 2025. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty có khả năng đạt được tối thiểu 80% kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho niên độ 2024 - 2025. Ban lãnh đạo Công ty vẫn tiếp tục nỗ lực cùng với đội ngũ cán bộ nhân viên triển khai các hợp đồng, bám sát kế hoạch niên độ tài chính năm 2024 - 2025.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

14.1 Thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn

Không có.

14.2 Thông tin về các cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay

Không có.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty trong 03 năm tới như sau:

- Tiếp tục phát triển gia công chế tạo vật liệu bảo ôn đặc biệt là bảo ôn lạnh – xuất khẩu thành phẩm.
- Phát triển mảng vật liệu bảo ôn cho hệ thống điều hòa không khí (HVAC) – Cho hệ thống làm lạnh (Chilled system) – vật liệu có chứng chỉ FM Approval.

- Thúc đẩy mảng bán sản phẩm các hãng vật tư mà Công ty đang là đại diện độc quyền của họ ở Việt Nam.
- Tập trung tiếp cận lại các khách hàng trong ngành dầu khí mà trước đây Công ty chưa tiếp xúc.
- Thành lập liên danh với đối tác nước ngoài để sản xuất vật liệu bảo ôn lạnh và gia công Góidỡ bảo ôn siêu lạnh phục vụ cho thị trường xuất khẩu, đặc biệt là đón đợi các dự án thuộc Quy hoạch Điện VIII sắp triển khai.

16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Công ty hiện đang có tranh chấp kiện tụng liên quan (với tư cách nguyên đơn) với khách hàng của Công ty liên quan tới các khoản thanh toán công nợ phải thu do khách hàng chậm thanh toán tiền dịch vụ/ hàng hóa, cụ thể như sau:

1. Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Nghiệp (Descon), có trụ sở tại 146 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tình trạng tranh chấp, kiện tụng: Căn cứ Bản án của Tòa án Nhân dân Quận 1 ngày 16/04/2019, Descon có trách nhiệm thanh toán cho Công ty số tiền là 270.499.220 đồng (bao gồm số tiền nợ gốc là 199.061.151 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử 01/11/2018 là 71.438.069 đồng). Hiện tại hồ sơ vẫn trong giai đoạn thi hành án với Công ty Descon.

2. Công ty TNHH Strategic Marine (V), có trụ sở tại Đường số 12, Khu công Nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu.

Tình trạng tranh chấp, kiện tụng: Căn cứ Quyết định của Tòa án nhân dân TP Vũng Tàu ngày 22/11/2019, Công ty TNHH Strategic Marine (V) phải thanh toán cho Công ty số tiền mua hàng còn thiếu là 2.042.592.045 đồng. Hiện tại hồ sơ vẫn trong giai đoạn thi hành án, Công ty TNHH Strategic Marine (V) đã thanh toán dần và còn nợ lại tới thời điểm ngày 28/05/2024 là 1.732.679.482 đồng và tiền lãi suất chậm thi hành án.

3. Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại An Toàn Kỹ Thuật Chất Lượng Cao (QTS), có trụ sở tại 51 Hàn Thuyên, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu.

Tình trạng tranh chấp, kiện tụng: Căn cứ Quyết định của Tòa án nhân dân TP Vũng Tàu ngày 24/11/2014, Công ty QTS phải thanh toán cho Công ty số tiền mua/thuê vật tư là 814.643.667 đồng. Hiện tại hồ sơ vẫn trong giai đoạn thi hành án với Công ty QTS với số tiền nợ gốc là 814.643.667 đồng và tiền lãi suất chậm thi hành án.

4. Công ty Cổ Phần Thép Quatron (Quatron), có trụ sở tại Khu Công Nghiệp Mỹ Xuân B1 – Conac, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Tình trạng tranh chấp, kiện tụng: Hiện tại hồ sơ vẫn trong giai đoạn thi hành án. Công ty Quatron với số tiền nợ gốc là 596.745.091 đồng và Công ty Quatron đã thanh toán dần và còn nợ lại tới thời điểm hiện tại ngày 18/04/2022 là 580.498.491 đồng và tiền lãi suất chậm thi hành án.

5. Công ty Cổ phần thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO), có trụ sở 21A Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Tình trạng tranh chấp, kiện tụng: Căn cứ bản án của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa TP. Hà Nội ngày 25/08/2022, Công ty CECO phải thanh toán cho Công ty số tiền liên quan hợp đồng thi công xây dựng công trình số tiền là nợ gốc là 1.194.999.426 đồng và số tiền nợ lãi tạm

tính đến ngày 25/08/2022 là 216.356.304 đồng. Hiện tại hồ sơ vẫn trong giai đoạn thi hành án. Công ty Cổ phần thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) đã thanh toán dần và còn nợ lại số tiền gốc tới thời điểm ngày 31/10/2024 là 755.408.031 đồng, số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 25/08/2022 là 216.356.304 đồng và tiền lãi suất chậm thi hành án.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

1.1 Danh sách Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hồ Minh Kha	Chủ tịch Hội đồng quản trị (không điều hành)
2	Ông Lê Xuân Mẫn	Thành viên Hội đồng quản trị (điều hành)
3	Ông Johan Robert Fredriksson	Thành viên Hội đồng quản trị (không điều hành)

1.2 Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

a) Ông Hồ Minh Kha – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Hồ Minh Kha
Năm sinh:	1978
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, chuyên môn:	Quản trị Kinh doanh – Đại học Cheshire - England
Quá trình công tác:	
- Từ 2001 đến 2011:	Tổng Quản lý Công ty TNHH Thương mại – Lắp đặt vật liệu cách nhiệt Vũng Tàu (VIC)
- Từ 2007 đến 2011:	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Ốc Biển
- Từ 2011 đến 2017:	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 2017 đến nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm Cố vấn dự án Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 06/2024 đến nay:	Giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Thép Sáng Tạo
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Cố vấn dự án
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Thép Sáng Tạo (công ty con)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	4.097.780 cổ phiếu, chiếm 60,26% VDL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	4.097.780 cổ phiếu, chiếm 60,26% VDL Công ty
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL Công ty

Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	138.443 cổ phiếu, chiếm 2,03% VDL Công ty
- Bà Võ Thị Ngọc Anh Tâm (mối quan hệ: Vợ):	132.908 cổ phiếu, chiếm 1,95% VDL Công ty
- Ông Hồ Văn Thảo (mối quan hệ: Anh ruột):	5.535 cổ phiếu, chiếm 0,08% VDL Công ty
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có.
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Thù lao của Chủ tịch HĐQT theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT; lương thưởng theo Chính sách của Công ty

b) Ông Lê Xuân Mẫn – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Lê Xuân Mẫn
Năm sinh:	1986
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, chuyên môn:	Thạc sỹ Công nghệ hóa học
Quá trình công tác:	
- Từ 4/2009 đến 12/2011:	Nghiên cứu viên Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh
- Từ 2/2012 đến 3/2013:	Nhân viên Thương mại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 3/2013 đến 2/2017:	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 02/2017 đến nay:	Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 06/2013 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 06/2023 đến nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Giải Pháp Thép Sáng Tạo
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Giải Pháp Thép Sáng Tạo (công ty con)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	1.264.819 cổ phiếu, chiếm 18,60% VDL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	1.264.819 cổ phiếu, chiếm 18,60% VDL Công ty
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL Công ty
Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	18.729 cổ phiếu, chiếm 0,271% VDL Công ty

- Ông: Hoàng Ngọc Chương (mối quan hệ: Anh rể):	18.646 cổ phiếu, chiếm 0,27% VĐL Công ty
- Bà: Lê Thị Thái (mối quan hệ: Chị ruột):	83 cổ phiếu, chiếm 0,001% VĐL Công ty
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Thù lao của thành viên HĐQT theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT; lương thưởng theo Chính sách của Công ty

c) Ông Johan Robert Fredriksson – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Johan Robert Fredriksson
Năm sinh:	1968
Quốc tịch:	Thụy Điển
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn:	Chuyên gia giảng dạy theo chuẩn Châu Âu
Quá trình công tác:	
- Từ 2000 đến 2008:	Giám đốc Công ty Atla Industriservice AB Giám đốc dự án tại Na Uy
- Từ 2009 đến 2011:	Giám đốc dự án Công ty TNHH Thương mại – Lắp đặt vật liệu cách nhiệt Vững Tàu (VIC)
- Từ 2012 đến 2013:	Thành viên HĐQT kiêm Cố vấn kỹ thuật Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 2014 đến 2019:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 2009 đến nay:	Giám đốc Công ty J&M Fredriksson Invest AB
- Từ 2017 đến nay:	Giám đốc chi nhánh Cách Nhiệt Mèo Đen Filial tại Thụy Điển
- Từ 2019 đến nay:	Thành viên HĐQT kiêm Cố vấn kỹ thuật Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Thành viên HĐQT kiêm Cố vấn kỹ thuật Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen; kiêm Giám đốc chi nhánh Cách Nhiệt Mèo Đen Filial tại Thụy Điển
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Giám đốc Công ty J&M Fredriksson Invest AB
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	326.203 cổ phiếu, chiếm 4,80% VĐL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL Công ty
- Đại diện sở hữu:	326.203 cổ phiếu, chiếm 4,80% VĐL Công ty

Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL Công ty
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Thù lao của thành viên HĐQT theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT; lương thưởng theo Chính sách của Công ty

2. Ban kiểm soát

2.1 Danh sách Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hiên	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Lê Thị Thúy Hằng	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Thiều Thị Huyền Trang	Thành viên Ban kiểm soát

2.2 Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

a) Bà Nguyễn Thị Hiên – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Thị Hiên
Năm sinh:	1988
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, chuyên môn:	Cử nhân kế toán - kiểm toán
Quá trình công tác:	
- Từ 04/2012 - 12/2015	Kế toán tại Công ty TNHH GT Line Á Châu
- Từ 01/2016 đến nay:	Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH GT Line Á Châu
- Từ 09/2023 đến nay:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH GT Line Á Châu
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL Công ty
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL Công ty
Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Thù lao của Trưởng BKS theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ
------------------------------------	--

b) Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Lê Thị Thúy Hằng
Năm sinh:	1982
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, chuyên môn:	Đại học Luật Tp HCM – Chuyên ngành Luật học Đại học Kinh tế Tp HCM – Chuyên ngành Kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 2005 đến 2008	<i>Chuyên viên Pháp chế tại Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu</i>
- Từ 2008 đến 2017	<i>Nhân viên Điều phối vật tư tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Chống ăn mòn Glacoating Việt Nam</i>
- Từ 2021 - Nay	<i>Nhân viên hợp đồng tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen</i>
- Từ 09/2023 đến nay:	<i>Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen</i>
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên hợp đồng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	137 cổ phiếu, chiếm 0,002% VDL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	<i>137 cổ phiếu, chiếm 0,002% VDL Công ty</i>
- Đại diện sở hữu:	<i>0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL Công ty</i>
Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Thù lao của Thành viên BKS theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; lương thưởng theo Chính sách của Công ty

c) Bà Thiều Thị Huyền Trang – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Thiều Thị Huyền Trang
Năm sinh:	1991
Quốc tịch:	Việt Nam

Trình độ học vấn, chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 10/2013 đến 3/2014	Trợ lý quan hệ công chúng tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Vũng Tàu
- Từ 05/2014 đến 3/2017	Chuyên viên điều phối tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng
- Từ 04/2017 đến 10/2017	Nhân viên thương mại tại Công ty TNHH Thương mại Lam Hồng
- Từ 11/2017 đến 6/2022	Chuyên viên nhân sự tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Công nghệ Sao Phương Bắc
- Từ 07/2022 đến nay:	Tổ trưởng Hành chính – Nhân sự tại Công ty Cổ phần kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 09/2023 đến nay:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Tổ trưởng Hành chính – Nhân sự
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	11.256 cổ phiếu, chiếm 0,17% VDL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	11.256 cổ phiếu, chiếm 0,17% VDL Công ty
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL Công ty
Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Thù lao của Thành viên BKS theo Nghị quyết của ĐHCĐ; lương thưởng theo Chính sách của Công ty

3. Giám đốc và người quản lý khác

3.1 Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Xuân Mẫn	Giám đốc
2	Ông Lê Thế Duy	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Dự án
3	Bà Đào Thị Thanh Trúc	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Thương mại
4	Ông Nguyễn Thiện Thuật	Phó Giám đốc kiêm Trưởng văn phòng đại diện tại TP. HCM

TT	Họ và tên	Chức vụ
5	Bà Nguyễn Thị Mỹ Liên	Kế toán trưởng

3.2 Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

a) Ông Lê Xuân Mãn – Giám đốc

(Xem chi tiết tại mục Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị)

b) Ông Lê Thế Duy – Phó Giám đốc

Họ và tên:	Lê Thế Duy
Năm sinh:	1989
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, chuyên môn:	Kỹ Sư Khoan & Khai thác Dầu khí
Quá trình công tác:	
- Từ 12/2012 đến 03/2013:	Thực Tập Sinh - Giàn Khoan MSP3 VietsovPetro
- Từ 04/2013 đến 11/2013:	Nhân viên Thương mại - Công TNHH TM & DV Ban Mai
- Từ 11/2013 đến 05/2015:	Quản lý công trường - Công TNHH TM & DV Ban Mai
- Từ 06/2015 đến 11/2015:	Thông dịch viên vận hành Radio - Tàu Thăm Dò Địa Chấn Mỏ Bạch Hổ (Seabed Geosolution)
- Từ 11/2015 đến 04/2016:	Kỹ sư dự án - Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 04/2016 đến 05/2017:	Quản lý công trường - Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 05/2017 đến 09/2019:	Giám đốc - Công ty TNHH SX TM & DV Công Nghiệp LDS
- Từ 09/2019 đến 04/2022:	Quản lý công trường - Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 04/2022 đến 12/2022:	Trưởng Phòng Dự án - Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 01/2023 đến nay:	Phó Giám Đốc kiêm Trưởng phòng Dự án - Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Dự án
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	3.649 cổ phiếu, chiếm 0,05% VDL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	3.649 cổ phiếu, chiếm 0,05% VDL Công ty

- Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL Công ty
Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương, thưởng theo Chính sách Công ty

c) Bà Đào Thị Thanh Trúc – Phó Giám đốc

Họ và tên:	Đào Thị Thanh Trúc
Năm sinh:	1988
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 01/2011 đến 5/2012:	Chuyên viên Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (Techcombank)
- Từ 04/2013 đến 12/2013:	Nhân viên Marketing Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 01/2014 đến 04/2015:	Nhân viên Quản lý chất lượng ISO Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 05/2015 đến 12/2019:	Nhân viên Thương Mại kiêm Xuất nhập khẩu Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 01/2020 đến 05/2023:	Trưởng phòng Thương Mại Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 06/2023 – Nay:	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Thương mại Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Thương mại
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	3.551 cổ phiếu, chiếm 0,05% VĐL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	3.551 cổ phiếu, chiếm 0,05% VĐL Công ty
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VĐL Công ty
Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	12.444 cổ phiếu, chiếm 0,18% VĐL Công ty
Ông: Trần Quốc Nghiệm (mối quan hệ: Chồng):	12.444 cổ phiếu, chiếm 0,18% VĐL Công ty
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương, thưởng theo Chính sách Công ty

d) Ông Nguyễn Thiện Thuật – Phó Giám đốc

Họ và tên:	Nguyễn Thiện Thuật
Năm sinh:	1980
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, chuyên môn:	Thạc sĩ kỹ thuật ngành vật liệu polime – Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh. Cử nhân hóa học – Trường Đại học khoa học tự nhiên Tp. HCM.
Quá trình công tác:	
- 09/2004 – 01/2006:	<i>Kỹ sư hóa chất Công ty TNHH Daisin Việt Nam</i>
- 02/2006 – 11/2009:	<i>Nghiên cứu viên Trung Tâm thí nghiệm trọng điểm quốc gia polyme và composite</i>
- 12/2009 – 06/2017:	<i>Trưởng phòng bán hàng Công ty TNHH Chống ăn Mòn GloCoating</i>
- 07/2017 – 02/2020:	<i>Trưởng phòng Thương mại Công ty TNHH Vivablast Việt Nam</i>
- 03/2020 – 06/2022:	<i>Trưởng chi nhánh Vũng tàu Công ty CP Kỹ Thuật Môi Trường Tinh Tuệ</i>
- 07/2022 - 07/2023:	<i>Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen</i>
- 08/2023 – Nay:	<i>Phó Giám đốc kiêm Trưởng văn phòng đại diện tại TP. HCM Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen</i>
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Giám đốc kiêm Trưởng văn phòng đại diện tại TP. HCM
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	4.562 cổ phiếu, chiếm 0,07% VĐL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	<i>4.562 cổ phiếu, chiếm 0,07% VĐL Công ty</i>
- Đại diện sở hữu:	<i>0 cổ phiếu, 0% VĐL Công ty</i>
Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	60.000 cổ phiếu, chiếm 0,88% VĐL Công ty
Bà: Nguyễn Thị Duyên (mối quan hệ: Vợ):	<i>60.000 cổ phiếu, chiếm 0,88% VĐL Công ty</i>
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương, thưởng theo Chính sách Công ty

e) Bà Nguyễn Thị Mỹ Liên – Kế toán trưởng

Họ và tên:	Nguyễn Thị Mỹ Liên
Năm sinh:	1983
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	
- Từ 2007 đến 2011:	Kế toán tại Công ty TNHH Ốc Biển
- Từ 2012 đến 2017:	Kế toán tại Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
- Từ 2017 đến nay:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nhiệt Mèo Đen
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
Số lượng cổ phiếu nắm giữ:	5.195 cổ phiếu, chiếm 0,08% VDL Công ty
- Cá nhân sở hữu:	5.195 cổ phiếu, chiếm 0,08% VDL Công ty
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL Công ty
Số cổ phiếu sở hữu của những người có liên quan:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Lương, thưởng theo Chính sách Công ty

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Công ty có kế hoạch tăng cường quản trị Công ty như sau:

- Công ty cam kết sẽ thực hiện sửa đổi Điều lệ phù hợp với Điều lệ mẫu của công ty đại chúng, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến công ty đại chúng.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
- Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ HĐQT Công ty.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Bảng 34: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nhiệt Mèo Đen

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Mỗi quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/10/2024	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/10/2024	Ghi chú
1	Hồ Minh Kha	Chủ tịch HĐQT	4.097.780	60,26%	
	Hồ Văn Thắng	Cha ruột	0	0%	
	Trần Kim Nương	Mẹ ruột	0	0%	
	Võ Ngọc Vinh	Mẹ vợ	0	0%	
	Võ Thị Ngọc Anh Tâm	Vợ	132.908	1,95%	
	Hồ Võ Anh Khoa	Con	0	0%	
	Hồ Võ Đăng Khôi	Con	0	0%	
	Hồ Hoàng Tiến	Anh ruột	0	0%	
	Hồ Văn Thảo	Anh ruột	5.535	0,08%	
	Hồ Xuân Thùy	Em ruột	0	0%	
	Hồ Thị Thi	Em ruột	0	0%	
	Võ Phương Hiếu	Chị dâu	0	0%	
	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Chị dâu	0	0%	
	Hồ Thanh Thảo	Em rể	0	0%	
	Hồ Đăng Khoa	Em rể	0	0%	
2	Lê Xuân Mẫn	Thành viên HĐQT Giám đốc kiêm	1.264.819	18,60%	
	Lê Xuân Hữu	Cha ruột	0	0%	
	Nguyễn Thị Chiến	Mẹ ruột	0	0%	
	Nguyễn Anh Tuấn	Cha vợ	0	0%	
	Phan Thị Hiếu	Mẹ vợ	0	0%	
	Nguyễn Phan Diệu Huyền	Vợ	0	0%	
	Lê Xuân Minh Tâm	Con	0	0%	
	Lê Thị Hoa	Chị ruột	0	0%	
	Lê Thị Thúy	Chị ruột	0	0%	
	Lê Thị Lan	Em ruột	0	0%	
	Lê Xuân Tám	Em ruột	0	0%	
	Trần Hoàng Dũng	Anh rể	0	0%	

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/10/2024	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/10/2024	Ghi chú
	Nguyễn Như Ngọc	Em rể	0	0%	
	Lê Thị Thái	Chị ruột	83	0,001%	
	Hoàng Ngọc Chương	Anh rể	18.646	0,27%	
	Lê Thị Bình	Chị ruột	0	0%	
	Nguyễn Long	Anh rể	0	0%	
	Lê Thị Minh	Chị ruột	0	0%	
	Trần Triết Khoa	Anh rể	0	0%	
3	Ông Johan Robert Fredriksson	Thành viên HĐQT	0	0%	
	Mona Fredriksson	Vợ	0	0%	
	Ronja Fredriksson	Con	0	0%	
	Zandra Fredriksson	Con	0	0%	
	Richi Ricky	Rể	0	0%	
	J&M Fredriksson Invest AB	Giám đốc	326.203	4,8%	
4	Nguyễn Thị Hiên	Trưởng BKS	0	0%	
	Mai Thị Oanh	Mẹ ruột	0	0%	
	Phạm Văn Hùng	Cha chồng	0	0%	
	Dương Thị Cẩm Hồng	Mẹ chồng	0	0%	
	Phạm Dương Nhật Huy	Chồng	0	0%	
	Phạm Hoàng Yến	Con ruột	0	0%	
	Nguyễn Thị Huệ	Chị ruột	0	0%	
	Vũ Văn Đam	Anh rể	0	0%	
	Nguyễn Thị Huyền	Chị ruột	0	0%	
	Lê Hải Minh	Anh rể	0	0%	
	Nguyễn Thị Hoa	Chị ruột	0	0%	
	Trần Như Đỗ	Anh rể	0	0%	
	Nguyễn Văn Hà	Em ruột	0	0%	
	Nguyễn Thị Thêm	Em ruột	0	0%	
	Nguyễn Văn Thế	Em rể	0	0%	
5	Bà Lê Thị Thúy Hằng	Thành viên Ban kiểm soát	137	0,002%	

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Mỗi quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/10/2024	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/10/2024	Ghi chú
	Lê Văn Tịch	Cha ruột	0	0%	
	Nguyễn Thị Sáu	Mẹ ruột	0	0%	
	Nguyễn Thị Cúc	Mẹ chồng	0	0%	
	Nguyễn Minh Hòa	Chồng	0	0%	
	Nguyễn Nhật Minh	Con	0	0%	
	Lê Kim Hưng	Em ruột	0	0%	
	Nguyễn Anh Tuấn	Em rể	0	0%	
6	Bà Thiều Thị Huyền Trang	Thành viên Ban kiểm soát	11.256	0,17%	
	Thiều Thị Lư	Cha ruột	0	0%	
	Thiều Thị Ngà	Mẹ ruột	0	0%	
	Nguyễn Văn Tuấn	Cha chồng	0	0%	
	Nguyễn Thị Tám	Mẹ chồng	0	0%	
	Nguyễn Việt Dũng	Chồng	0	0%	
	Nguyễn Hoàng Khôi	Con	0	0%	
	Nguyễn Thị Huyền My	Con	0	0%	
	Thiều Thọ Khang	Em ruột	0	0%	
	Trịnh Thị Sao Mai	Em dâu	0	0%	
7	Ông Lê Thế Duy	Phó Giám đốc	3.649	0,05%	
	Lê Thành Khương	Cha ruột	0	0%	
	Đỗ Thị Long	Mẹ ruột	0	0%	
	Đỗ Văn Nhị	Cha Vợ	0	0%	
	Trần Thị Lanh	Mẹ vợ	0	0%	
	Đỗ Thị Phương	Vợ	0	0%	
	Lê Minh Khang	Con trai	0	0%	
	Lê Minh Kha	Con trai	0	0%	
	Lê Văn Dân	Em trai	0	0%	
	Lê Thị Vân	Em gái	0	0%	
	Trần Văn Đoàn	Em rể	0	0%	
	Nguyễn Thị Hường	Em dâu	0	0%	

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Mỗi quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/10/2024	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/10/2024	Ghi chú
8	Đào Thị Thanh Trúc	Phó Giám đốc	3.551	0,05%	
	Đào Vân	Cha ruột	0	0%	
	Trần Thị Tuyết	Mẹ ruột	0	0%	
	Trần Tuấn Kiệt	Cha chồng	0	0%	
	Huỳnh Bích Thủy	Mẹ chồng	0	0%	
	Trần Quốc Nghiệm	Chồng	12.444	0,18%	
	Trần Duy Minh	Con ruột	0	0%	
	Đào Thị Kim Giang	Em ruột	0	0%	
9	Nguyễn Thiện Thuật	Phó Giám đốc	4.562	0,07%	
	Nguyễn Văn Lũy	Bố đẻ	0	0%	
	Lê Thị Mười	Mẹ đẻ	0	0%	
	Nguyễn Văn Thanh	Bố vợ	0	0%	
	Nguyễn Thị Bảy	Mẹ vợ	0	0%	
	Nguyễn Thị Duyên	Vợ	60.000	0,88%	
	Nguyễn Thiện Nhân	Con trai	0	0%	
	Nguyễn Thiện Mỹ	Con gái	0	0%	
	Nguyễn Đình Chiến	Anh ruột	0	0%	
	Nguyễn Thị Thu Hương	Chị dâu	0	0%	
	Nguyễn Thị Thu Trúc	Chị ruột	0	0%	
	Lê Bá Tĩnh	Anh rể	0	0%	
	Nguyễn Thị Thu Hằng	Chị ruột	0	0%	
	Lê Văn Hiệp	Anh rể	0	0%	
	Nguyễn Thị Thu Nga	Chị ruột	0	0%	
	Nguyễn Thị Mộng Lành	Chị ruột	0	0%	
10	Nguyễn Thị Mỹ Liên	Kế toán trưởng	5.195	0,08%	
	Nguyễn Đức Dư	Cha ruột	0	0%	
	Lê Thị Thanh	Mẹ ruột	0	0%	
	Lưu Xuân Vâng	Cha chồng	0	0%	
	Bùi Thị Tứ	Mẹ chồng	0	0%	
	Lưu Văn Cùa	Chồng	0	0%	

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)/ Mỗi quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 30/10/2024	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 30/10/2024	Ghi chú
	Lưu Bảo Nam	Con	0	0%	
	Lưu Bảo Minh	Con	0	0%	
	Nguyễn Thị Mỹ Loan	Em ruột	0	0%	
	Nguyễn Đức Hiếu	Em ruột	0	0%	
	Nguyễn Thị Minh Thảo	Em ruột	0	0%	
	Nguyễn Nhật Hạ	Em dâu	0	0%	
	Vũ Nguyễn Phúc Lộc	Em rể	0	0%	
	Trần Hà Hiệp	Em rể	0	0%	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen)

6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định

Căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/03/2024 đã kiểm toán của Công ty, các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 (từ ngày 01/04/2023 đến ngày 31/03/2024) như sau:

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm Tập đoàn chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Ông Hồ Minh Kha</i>		
Cho vay	-	9.050.000.000
Lãi cho vay	157.350.001	276.349.999
Đặt cọc mua đất	3.400.000.000	-
Tạm ứng	192.973.929	-
Lãi vay	673.056.000	673.056.000
Chia cổ tức	6.215.536.500	-
<i>Ông Lê Xuân Mãn</i>		
Tạm ứng	558.194.687	150.000.000
Lãi cho vay	297.208.333	116.083.334
Cho vay	-	11.000.000.000
Vay	4.400.000.000	-
Lãi vay	204.489.377	183.100.488
Chia cổ tức	2.282.022.075	-

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Hoàng Ngọc Chương		
Lãi vay	328.320.000	-

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch sau với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Xuân Mẫn, Ông Hồ Minh Kha và Ông Hoàng Ngọc Chương đã dùng giấy tờ có giá và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu, Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Vũng Tàu, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Vũng Tàu, (xem thuyết minh số V.19a của BCTC hợp nhất kết thúc ngày 31/03/2024).

Ông Hồ Minh Kha cam kết bảo lãnh để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vũng Tàu (xem thuyết minh số V.19a của BCTC hợp nhất kết thúc ngày 31/03/2024).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6a và V.16 của BCTC hợp nhất kết thúc ngày 31/03/2024, cụ thể:

V.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các bên liên quan vay		
Ông Hồ Minh Kha	-	9.050.000.000
Ông Lê Xuân Mẫn	-	11.000.000.000
Cộng	-	20.050.000.000

V.6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-	432.433.333	-
Ông Hồ Minh Kha – Tiền lãi cho vay	-	-	276.349.999	-
Ông Lê Xuân Mẫn – Tiền lãi cho vay	-	-	116.083.334	-
Ông Lê Xuân Mẫn – Tạm ứng	-	-	40.000.000	-

V.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	177.329.014	151.043.768
Ông Lê Xuân Mẫn – Chi phí lãi vay	106.808.619	15.258.373
Ông Hồ Minh Kha – Chi phí lãi vay	57.752.402	95.657.402

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Hoàng Ngọc Chương – Chi phí lãi vay	12.767.993	40.127.993

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	5.241.297.532	3.829.431.386
Phụ cấp	295.835.012	376.104.553
Cộng	<u>5.537.132.544</u>	<u>4.205.535.939</u>

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác của Tập đoàn chỉ có J&M Fredriksson Invest AB (là cổ đông góp vốn).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho J&M Fredriksson Invest AB với số tiền 876.910.420 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.18 của BCTC hợp nhất kết thúc ngày 31/03/2024, cụ thể:

V.18 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>1.585.026.300</i>	<i>900.000.000</i>
J&M Fredriksson Invest AB – Cổ tức phải trả	1.585.026.300	900.000.000

IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục 2: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 đã kiểm toán

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

TP. Vũng Tàu, ngày 06 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NHIỆT MÈO ĐEN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



HỒ MINH KHA